

# LUẬN TẠP A-TỶ ĐÀM TÂM

## QUYỂN 8

### Phẩm 8: TU-ĐA-LA

Đã nói về Định, nay sẽ nói: Về Tu-đa-la

*Bậc Nhất thiết trí nói*

*Diệu nghĩa Tu-đa-la*

*Nay con nói ít phần*

*Tu hành phải khéo nghe.*

Vì biết tất cả nên nói là Nhất thiết trí, tất cả: Là mười hai nhập, đối với tự tướng, cộng tướng của mười hai nhập tất cả đều biết.

Người nói: Là bậc Nhất thiết trí đích thân tự giảng nói. Diệu nghĩa là nghĩa mâu nhiệm về tánh rất sâu xa. Nghĩa vi diệu này là nói về Tu-đa-la, nên nói là nghĩa mâu Tu-đa-la.

Nay tức là luận này. Nói ít phần: Là đấng Mâu-ni nói vô lượng vô biên, nên nói là nói ít. Tu-đa-la: Gồm có năm nghĩa:

1. Sinh ra: Vì sinh ra các nghĩa.
2. Suốt vọt: Vì nghĩa vị vô tận.
3. Hiện bày: Vì chỉ bày các nghĩa.
4. Dây mực: Vì nói về các tà, chánh.
5. Kết man, vì xuyên suốt các pháp.

Năm nghĩa như thế là nghĩa Tu-đa-la, dù nghĩa không ở lời nói, nhưng nhờ có nói mới biểu hiện rõ ràng, nên nói là nghĩa ngôn thuyết, do nói mà danh chuyển, do danh mà hiển nghĩa. Khéo nghe nghĩa là cần phải một lòng quyết định khéo nghe.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói thí, giới, tu, mỗi thứ có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Tuệ thí, giữ tịnh giới*

*Là đều có bốn thứ*

*Tu thiền thì có hai*

*Đó gọi là công đức.*

Sợ có ba thứ, muốn có phương tiện khiến độ ba sợ, nên Đức Thế Tôn nói lược ba thứ công đức này. Người kia sợ nghèo nàn thì sợ là phương tiện khiến được độ, cho nên nói thí. Sợ đường ác, thì sợ là phương tiện khiến được độ, cho nên nói giới. Sợ sinh tử, thì sợ là phương tiện khiến được độ, cho nên nói tu.

Hỏi: Những gì là tánh của thí?

Đáp:

*Vô tham tương ứng tư  
Đều khởi đồng một quả  
Chỗ chúng cụ sinh ra  
Đó chính là tánh thí.*

Căn thiện vô tham tương ứng với tư, từ chỗ vật thí sinh ra và tùy chuyển nghiệp thân, miệng là tự tánh thí của năm ấm. Do nói sắc, hương, vị đầy đủ nên nói là tư, nguyện, v.v... chẳng phải là người thí thì không đúng. Vì sao? Vì đối với vật nói là thí, Đức Thế Tôn vì mở tâm thí chủ nên khiến tư, nguyện được vững chắc. Đối với vật nói là thí, tức là từ chỗ vật thí mà sinh ra.

Hỏi: Trước kia nói bốn thứ thí. Những gì là chủng thí?

Đáp:

*Cái gọi tự nhiếp thọ  
Cũng lại nhiếp thọ khác  
Có khi hai đều nhiếp,  
Có khi không nhiếp hai.*

Có khi tự thân nhiếp ên thì, có khi thân nhiếp người khác nên thí, có khi thân nhiếp mình và người nên thí, có khi trả ơn, không vì thân nhiếp mình người nên thí (Nghĩa là A-la-hán cúng dường Phật là để trả ơn, chứ không vì mình, vì người), người kia tự thân nhiếp.

*Nếu người chưa lìa dục  
Mà cúng dường chi-đề  
Và phạm phu lìa dục  
Gọi vì mình mà thí.*

Bậc Thánh chưa lìa dục và phạm phu lìa dục, cúng dường chi-đề, thì đó là tự nhiếp mà thí. Vì thí, được quả báo cõi Dục, nghĩa là người chưa lìa dục, sinh cõi Dục. Tuy phạm phu lìa dục, sinh cõi Sắc, cõi Vô Sắc, nhưng về sau trở lại thọ hậu báo của cõi Dục và báo bất định, đây gọi là tự nhiếp thọ mình, không nhiếp thọ người. Vì sao? Vì chi-đề không phải chúng sinh.

*Lìa dục phi phạm phu*

*Trừ quả hiện pháp kia  
Thí cho các chúng sinh  
Đấy gọi là nhiếp tha.*

Nếu A-la-hán, hoặc A-na-hàm, trừ quả hiện pháp khởi thí, nếu thí khác vì chúng sinh, thì đó là nhiếp người, chẳng phải tự nhiếp, vì A-la-hán chẳng có phần sinh. A-na-hàm tuy thọ sinh ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc, nhưng lại không thọ quả thí. Do nhân quả đoạn nên lập ra giới.

*Chưa lìa dục cõi Dục  
Phàm phu đã lìa dục  
Thí cho các chúng sinh  
Phải biết hai đều nhiếp.*

Nghĩa là bậc Thánh chưa lìa dục và phàm phu lìa dục, thí cho chúng sinh, phải biết cả hai đều gồm nhiếp.

*Lìa dục phi phàm phu  
Ngoại trừ quả hiện pháp  
Cúng dường lên chi-đề  
Đấy đều không gồm nhiếp.*

Hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm, trừ khởi thí quả hiện pháp mà cúng dường chi-đề. Đấy chẳng phải gồm nhiếp mình, cũng không phải gồm nhiếp người, vì A-la-hán vô sinh, A-na-hàm dù có sinh mà cõi Dục không có phần sinh, nên không gồm nhiếp mình. Vì chi-đề chẳng phải chúng sinh, nên không gồm thọ người. A-la-hán kia nghĩ nhớ ơn xưa, trả ơn Phật, nên dù Phật nhập Niết-bàn vẫn cúng dường chi-đề.

Lại nữa,

*Nếu vì gồm nhiếp người  
Cúng dường lên chi-đề  
Vô lượng chúng thấy nghe  
Đều sinh tâm tùy hỷ.*

Cúng dường chi-đề, cũng là gồm nhiếp người khác. Dùng cờ phướn, lọng hoa, đốt hương, rải hoa, cúng dường chi-đề, khiến cho vô lượng chúng sinh trông thấy, tùy hỷ làm nhân giải thoát sinh lên cõi trời. Thế nên, Tu-đa-la của Thế Tôn nói: Đối với chỗ chưa từng lập mà kiến lập chi-đề, thì sẽ sinh phước Phạm, vì để gồm nhiếp vô lượng chúng sinh, nên gọi là phước Phạm.

Hỏi: Ngang đâu sẽ nói là phước phạm?

Đáp: Có người nói: Trừ Bồ-tát gần Phật địa, tất cả các chúng sinh khác có thể sinh ra nghiệp quả tăng thượng giàu to, sức lớn v.v... đó là nghiệp của quả tăng thượng, đó là lượng của phước Phạm.

Lại có thuyết nói: Lúc thế giới thành tất cả chúng sinh, khí thế giới sinh ra. Nghiệp đó có khả năng sinh khí thế giới này, gọi là lượng của phước Phạm. Lại nữa, thí này:

*Là hy vọng kia thấy  
Bảy thí chẳng gì hơn  
Tâm trang nghiêm, thứ tám  
Gọi là thí hơn hết.*

Đức Thế Tôn nói tám thứ thí, đó là hy vọng thí, bố úy thí, phản báo thí, kỳ báo thí, gia pháp thí, sinh thiên thí, cầu danh thí và vì tâm trang nghiêm, vì điều phục tâm, vì thuận tu hành, vì được nghĩa trên hết nên thí.

Hy vọng thí nghĩa là lựa chọn ruộng phước, muốn cầu nhiều quả nên thí cho người đến xin, thí cho người đến xin thì cữ A-tỳ-đàm nói là hy vọng thí.

Bố úy thí nghĩa là vừa mới thí mà lại quên mất, nên thí, thấy có tưởng mất, thà cho mà không mất.

Phản báo thí: Nghĩa là từng được lợi kia, sao không báo đáp.

Kỳ báo thí: Nghĩa là thí cho người kia, mong được họ đền đáp lại.

Gia pháp thí: Nghĩa là có thói quen học tập theo người đi trước mà thí, không phải tự tin mà thí.

Sinh thiên thí: Nghĩa là vì cầu sinh lên cõi trời, nên thí.

Cầu danh thí nghĩa là muốn được khen ngợi nên thí.

Bảy thứ thí này là thấp kém, không cao thượng! Không cầu sinh tử, mà ưa thí, đó gọi tâm trang nghiêm mà thí, dùng đạo này làm phương tiện thí đó là đệ nhất trong các tài thí, gọi là thượng thí.

Đã nói thí, nay sẽ nói quả của thí.

*Thọ, sắc, lực, an vui  
Biện tài là năm thứ  
Báo thí có trăm ngàn,  
Thí chủ sẽ đạt được.*

Bố thí như trên nói, có năm thứ, Đức Thế Tôn nói trong Tu-đa-la về đức của năm thí. Ăn để sống, chẳng thể không ăn, cho nên thí tuổi thọ, cho đến biện tài cũng giống như thế. Nhân giống nhau sinh ra quả giống nhau, đó là được sống lâu cho đến báo của biện tài. Gieo trồng giống bên ngoài, tùy từng loại, mà đạt được quả thật. Thí này cũng như thế!

Tuổi thọ, đó là cõi người, trời, không phải đường ác, đó là do nhân

giữ gìn nên nói thí thọ. Như nói: Lìa sát sinh, tu tập nhiều thì được sống lâu. Đó là do nhân chiêu cảm dẫn dắt cho nên nói. Thí như hai người mẹ: Mẹ đẻ và mẹ nuôi. Người lìa sát sinh như mẹ đẻ, người thí thức ăn như mẹ nuôi.

Năm thứ báo, thí cho súc sinh sẽ được phước gấp trăm lần, đó là do người hòa hợp mà được! Nói rộng như thế. Trong kiến đạo dù không ăn mà có thể thọ thí. Đã nói thí và quả, nay sẽ nói: Về “tức thí tức quả”,

*Từ, vô tránh, diệt tận*

*Kiến đạo và vô học*

*Từ chánh thọ kia khởi*

*Bố thí được quả ngay.*

Tam-muội Từ tâm vô tránh, Tam-muội Diệt tận, quả A-la-hán kiến đạo từ đây mà khởi rồi, nếu có người thí thì được quả ngay. Vì sao? Vì đối với vô lượng chúng sinh, dùng tướng yên ổn làm lợi ích, là lấy lòng từ để hun đúc thân. Từ đây khởi rồi thì người thí sẽ được quả ngay.

Tam-muội Vô tránh, khiến cho vô lượng chúng sinh không khởi phiền não, do công đức rộng nhiếp mà huân tập thân, nên từ đây khởi rồi thì người thí sẽ được quả ngay.

Tam-muội Diệt tận, do công đức rộng huân tập thân nên giống với Niết-bàn. Từ đây khởi rồi, thì bố thí sẽ được quả ngay. Kiến đạo dứt kiết hết hẳn, dùng Thánh đạo để huân tập thân, nên từ đó khởi rồi thì thí sẽ được quả ngay. Tu đạo dứt kiết hết hẳn, thì tâm được tự tại, trụ quả A-la-hán, từ đó khởi rồi thì thí sẽ được quả ngay.

Đã nói “Tức quả”, quả lớn, nay sẽ nói.

*Cha mẹ hoặc người bệnh*

*Cùng với sư nói pháp*

*Các Bồ-tát gần Phật*

*Bố thí được quả lớn.*

Thí cho năm hạng người này thì được quả lớn. Vì sao? Vì với cha mẹ vì có ơn sinh thân và nuôi lớn, thí sẽ được quả lớn. Với người bệnh không có nơi nương dựa, tâm bi tăng trưởng, thí sẽ được quả lớn, với người nói pháp, pháp thân tăng trưởng, chỉ bảo cho con người biết rõ thiện ác, nên thí sẽ được quả lớn. Với người tiếp cận Phật địa, chứa nhóm công đức, gồm nhiếp rộng chúng sinh, nên thí sẽ được quả lớn.

Hỏi: Vì tư, nguyện vượt hơn khiến thí thanh tịnh, hay vì ruộng vượt hơn? Nếu vì tư, nguyện vượt hơn, vì sao Đức Thế Tôn khen ngợi ruộng phước? Nếu vì ruộng phước hơn, tại sao thí một ruộng phước, mà quả

không được bằng nhau?

Đáp: Vì tư, nguyện vượt hơn, nên thí thanh tịnh, ruộng phước nhờ ở lực, cho nên trước hết nói tư, nguyện và quyến thuộc, gọi là bố thí phước. Dùng tâm thuần tịnh để mong cầu lìa của cải và thân, tùy trí tuệ mà thực hành. Người thí như thế sẽ được quả lớn. Nếu khác, như người kia cầu tiếng khen mà thí cho thì ruộng phước trội hơn, như vậy chẳng phải là bố thí của bậc Đại nhân. Nếu người căn cứ vào sức sinh tội phước của ruộng, thì sẽ không thành sức ruộng phước, đáng lẽ bị nghiệp vô giá mà không được, phải biết là do sức của tư, nguyện.

Ruộng phước công đức, có thể khởi tư, nguyện vượt hơn, thế nên Đức Thế Tôn ca ngợi ruộng phước.

Hỏi: Đã biết thí cho nuôi lớn sinh thân, vậy thí cho nuôi lớn pháp thân là thế nào?

Đáp:

*Khéo nói các kinh pháp  
Xa lìa các điên đảo  
Không chê bai Mâu-ni  
Đây gọi là pháp thí.*

Đối với Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, phân biệt chân thật, không mê đắm danh lợi, gồm nhiếp rộng chúng sinh, đó gọi là pháp thí. Dù người kia không có tưởng mê đắm mà nói điên đảo, chê bai nhân duyên chân thật của Như lai, lại có tưởng khác lạ, phải biết đó là nhân duyên của tâm loạn! Dù thuyết giảng nói không điên đảo, mà tâm đắm nhiễm, như thương nhân kia, vì thế kệ nói “Không biết Mâu-ni nói, như dao lửa chất độc, nơi đây khéo phân biệt, cũng như ăn cam lộ”. Lại nữa, điên đảo có ba: Pháp điên đảo, nhân điên đảo, thời điên đảo.

Pháp điên đảo, nghĩa là như có thuyết nói: Tu tập tưởng tịnh, dứt trừ tham dục!

Nhân điên đảo, nghĩa là người tham dục, vì tham dục mà nói từ.

Thời điên đảo, nghĩa là với người căn cơ chưa thành thực, mà nói chân đế cho họ nghe. So sánh như thế, trái với ở đây thì được gọi là nói pháp không điên đảo.

Đã nói pháp thí, nay sẽ nói về thí vô úy.

*Nói thọ như lìa, thấy  
An ủi các sợ hãi  
Gọi là thí vô úy  
Phá tan nỗi sợ nghèo.*

Nếu thấy chúng sinh đời này, đời sau đều có sợ hãi, dùng giới lìa

thọ, nói bằng tâm từ, an ủi rằng: “Chúng sinh đừng sợ, tôi sẽ làm giúp ông, khiến được vô úy, đó gọi là thí vô úy”. Người sợ hãi kia ví như kẻ nghèo cùng thì sẽ không sợ thiếu của cải nữa. Đối trị chân thật cho người kia, gọi là thí vô úy.

Đã nói thí vô úy. Nay sẽ nói về đại thí.

*Khắp các loài chúng sinh  
Đều thọ giới luật nghi  
Công đức thêm rộng chảy  
Đây mới là thí lớn.*

Đức Thế Tôn nói: Năm giới là bố thí lớn, vì gồm nhiếp vô biên chúng sinh, vì khởi vô biên lạc.

Tài thí thì không thể gồm nhiếp tất cả chúng sinh, chỉ có thọ giới thì mới có thể. thọ trì năm giới rồi, đối với tất cả chúng sinh, suốt đời, trong mỗi niệm được mười hai thứ luật nghi chưa từng được (ba thiện, tức mỗi thiện khởi thân miệng vô tác), giới kia nối tiếp nhau trôi chảy không gián đoạn.

Hỏi: Đã biết bốn thứ thí. Bốn thứ giới nói trước thì thế nào?

Đáp:

*Cõi Dục và thiên sinh  
Luật nghi, giới vô lậu  
Luật nghi đoạn, từ hai  
Là nói luật nghi chủng.*

Bốn thứ luật nghi, đó là: Luật nghi biệt giải thoát, luật nghi thiên, luật nghi vô lậu và luật nghi đoạn.

Luật nghi biệt giải thoát, là giới bảy chúng đã thọ. Luật nghi thiên đó là giới hữu lậu tùy sinh. Luật nghi vô lậu đó là giới của học, vô học. Luật nghi đoạn đó là lìa dục cõi Dục, chín đạo vô ngại tùy sinh giới. Hoặc hữu lậu là giới thiên, hoặc vô lậu là giới vô lậu, đây là luật nghi.

Phẩm Nghiệp đã nói bốn thứ giới, nay sẽ nói: Bốn thứ khác còn lại.

*Giới do hy vọng thọ  
Giới do sợ hãi giữ  
Có thuận chi Bồ-đề  
Cùng với giới thanh tịnh.*

Có bốn thứ giới, đó là giới hy vọng, giới khủng bố, giới thuận giác chi và giới thanh tịnh.

Giới hy vọng là giới vì cầu sinh lên cõi trời và cầu những chỗ khác mà giữ giới.

Giới khủng bố nghĩa là sợ trách mình, sợ người khác trách, sợ phạt, sợ đường ác, sợ không sống nổi, sợ tiếng xấu nên giữ giới.

Giới thuận giác chi là vì tâm trang nghiêm, vì phương tiện đầy đủ, vì cầu nghĩa hơn hết nên giữ giới.

Giới thanh tịnh là giới vô lậu, là lia cấu.

Hỏi: Thế nào là trì giới thanh tịnh?

Đáp:

*Căn bản quyền thuộc tịnh  
Không bị giác làm hoại  
Thâu nhiếp các chánh niệm  
Thuận theo bát Niết-bàn.*

Có năm nhân duyên khiến giới thanh tịnh, đó là căn bản tịnh, quyền thuộc tịnh, không bị giác làm hư hoại, nhiếp thọ chánh niệm, chánh hưởng giải thoát.

Căn bản tịnh, nghĩa là lia và vượt nghiệp đạo căn bản.

Quyền thuộc tịnh, nghĩa là lia các phương tiện như sát sinh, v.v...

Không bị giác làm hoại: Nghĩa là lia ba giác: dục, nhuế, hại, làm não loạn.

Nhiếp thọ chánh niệm: Nghĩa là nhiếp thọ mà niệm Phật, Pháp, Tăng, vì thế nên cũng lia được các tâm vô ký.

Chánh hưởng giải thoát, nghĩa là vì giải thoát nên giữ giới chứ không vì thân, của cải và việc làm khác, cho nên cũng nói là thuận theo giác chi.

Năm nhân duyên khiến giới thanh tịnh, Đức Thế Tôn nói là được quả lớn, vì lia được tất cả não loạn!

Hỏi: Đã biết giới là chỗ dựa của tất cả chánh hạnh, như bình công đức của người trời. Thế nào là hai thứ tu?

Đáp:

*Thiền Vô Sắc vô lượng  
Đắc tu và tu tập  
Bất tịnh, niệm an-ban  
Nghĩa hai tu cũng thế.*

Công đức của các thiền này v.v... huân tập tâm, như xông áo, như hoa xông ướp sợi gai, như luyện vàng, cho nên nói như vậy: “Tu như xông áo, tu như xông gai, tu như luyện vàng”. Hiện tại nghĩa là tu tập, vị lai là tu đắc. Hiện tại là dụng, vị lai là khởi. Hiện tại là làm điều cần làm, vị lai thì sẽ làm. Hiện tại là sinh, vị lai là đắc. Hiện tại là phần hiện tiền, vị lai là phần thành tựu. thiền Vô Sắc vô lượng (phẩm định đã nói rộng).



Người quán bất tịnh không có tánh tham, vì đối trị tham. Vả lại, vì đối trị bốn thứ tham, nên lại nói bốn thứ, nghĩa là muốn dứt trừ tham oai nghi, nên tu quán tử thi. Muốn dứt trừ tham sắc, nên tu quán màu sanh bầm v.v... Muốn dứt trừ tham, xúc nên bỏ da, thịt, tu quán bộ xương, muốn dứt trừ tham chỗ ở, nên tu quán các đốt xương rã rời.

Quán bất tịnh này lại có bốn thứ: Phần thối, phần trụ, phần thắng, phần quyết định. Phần thối nghĩa là trụ kia thì thối. Phần trụ nghĩa là trụ kia thì không tiến, không thối. Phần thắng nghĩa là trụ kia sẽ tiến lên. Phần quyết định nghĩa là trụ kia thì thuận với Thánh đạo.

Cõi là cõi Dục, cõi Sắc. Địa là mười địa: Thiên trung gian, bốn thiên căn bản cõi Dục, và bốn quyền thuộc.

Chỗ dựa là cõi Dục, Hành giả là phi hành. duyên nghĩa là duyên cõi Dục. Niệm xứ là thân niệm xứ. Trí là đẳng trí. Không phải Tam-muội, vì thọ sinh. Tương ứng với ba căn, rơi vào ba đời. Quá khứ là duyên quá khứ, hiện tại là duyên hiện tại. Vị lai nghĩa là nếu pháp sinh thì duyên vị lai, nếu là pháp không sinh thì duyên ba đời, đó là thiện duyên vô ký, là Phi học phi vô học, duyên Phi học phi vô học, là tu đạo đoạn duyên tu đạo đoạn. Sẽ nói về nghĩa của duyên.

Hỏi: Phương tiện đắc hay là lìa dục đắc?

Đáp: Vừa là phương tiện đắc, vừa là dục đắc. Nếu lìa dục cõi Dục, được Sơ thiên cho đến lìa dục của Tam thiên, được đệ Tứ thiên, phương tiện sau, hiện ở trước.

Hỏi: Quán bất tịnh, phương tiện ra sao?

Đáp: Người tu quán bất tịnh kia, vào trong gò mả, phải thật khéo, nhận lấy tướng bất tịnh đó. Nhận lấy tướng đó rồi, trở về chỗ ngồi, rửa chân, ngồi yên, thân, tâm hòa dịu, lìa các “cái”. Nhận lấy duyên bên ngoài, rồi mới đến thân mình, buộc tâm ở xương bàn chân, xương ống quyển, xương bắp vế, xương háng, xương sống, xương hông, xương tay, xương cánh tay, xương chân mày, xương cổ, xương trán, xương răng, xương đầu lâu v.v...

Nếu buộc tâm ở giữa hai đầu chân mày, với người ưa quán lược, thì trước hết từ thân niệm xứ mà độ. Nếu người ưa quán rộng thì từ giữa hai đầu chân mày quán đầu lâu, cho đến xương bàn chân. Từ đây một tòa, một phòng, một nhà, một Tăng-già-lam, một thôn làng, một nước. Nếu người chỉ từ tưởng khởi, thì không có việc ấy, nếu kẻ quán cùng khắp đại địa, đến nhãn quang, có thể quán chỗ kia đầy đầy xương trắng. Nếu có người lại quán lược, thì theo thứ lớp trở lại đến giữa hai đầu chân mày, thứ lớp lại đến buộc tâm ở giữa hai đầu chân mày, đó gọi là

pháp quán bất tịnh thành.

Hoặc có người quán bất tịnh, duyên ít, chẳng phải tự tại ít, thì có thể tạo ra bốn trường hợp:

1. Duyên ít, chẳng phải tự tại ít: Nghĩa là với thân mình thường nhập quán bất tịnh.

2. Tự tại ít, không phải duyên ít: Nghĩa là cùng lúc quán bất tịnh đầy đầy khắp bốn biển, đại địa, không thể thường nhập quán bất tịnh.

3. Duyên ít, tự tại cũng ít: Nghĩa là cùng lúc, quán sát thân mình bất tịnh, không thể thường nhập quán bất tịnh.

4. Chẳng phải duyên ít, cũng chẳng phải tự tại ít: Nghĩa là bất tịnh đầy đầy khắp bốn biển, đại địa, nhưng cũng có thể thường nhập quán bất tịnh.

Lại nữa, quán bất tịnh, duyên vô lượng chứ chẳng phải tự tại vô lượng, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Duyên vô lượng, chẳng phải tự tại vô lượng: Nghĩa là bất tịnh đầy đầy bốn biển, đại địa nhưng không thể thường nhập quán bất tịnh.

2. Tự tại vô lượng, không phải duyên vô lượng: Nghĩa là đối với thân mình thường nhập quán bất tịnh.

3. Duyên vô lượng, tự tại cũng vô lượng: Nghĩa là bất tịnh đầy đầy bốn biển, đại địa, nhưng cũng có thể thường nhập quán bất tịnh.

4. Không phải duyên vô lượng, cũng chẳng phải tự tại vô lượng: Nghĩa là đối với thân mình, không thể thường nhập quán bất tịnh.

Đã nói về quán bất tịnh. Nay sẽ nói niệm an ban (niệm hơi thở).

An na, nghĩa là trì lai. Ban-na nghĩa là trì khứ, cũng gọi A-thấp-bà, Sa-bà-thấp, Ba-sa. Niệm là nhớ nghĩ. Đối với An-na ban-na xét kỹ, buộc niệm, tâm không luống dối, tu tập niệm kia, nên nói là tu. Niệm an ban là tánh tuệ. Vì ở phẩm kia niệm tăng, nên nói là niệm an ban. Như niệm xứ, như niệm túc mạng.

Sơ khởi: Nghĩa là từ chỗ rún trong thai mẹ, đã có nghiệp sinh ra gió khởi, hoặc hướng phía dưới, hoặc hướng lên phía trên. Hướng xuống phía dưới, tạo ra bộ phận thân dưới, các lỗ chân lông. Hướng lên phía trên, tạo nên phần thân trên. Các lỗ chân lông hình thành rồi, hơi thở ra là trước nhất, cho đến khi qua đời, hơi thở ra là sau cùng.

Chánh thọ cũng thế, nghĩa là thở ra là mới nhập định, thở vào là mới xuất định. Sáu nhân duyên được sáu thứ niệm an ban, đó là số, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh.

Số là người tu hành dùng phương tiện khéo léo buộc niệm, đếm hơi thở ra vào, không có một lần thở ra thở vào nào mà không hay biết.

Nếu người tâm loạn, có khi bớt số, có khi thêm số, có khi đếm lộn xộn.

Bớt số là lấy hai làm một, thêm số là lấy một làm hai.

Đếm lộn xộn, nghĩa là thở ra thì tính vào, thở vào thì tính ra.

Tâm không loạn gọi là đếm đều: Năm lần thở ra, năm lần thở vào, đó gọi là mười số. Nếu người tu hành, lúc đếm đến mười, khoảng giữa, tâm loạn, thì đếm lại từ một. Nếu đếm đủ mười xong, nếu loạn, hoặc không loạn, cũng đếm lại từ một. Vì sợ tâm loạn, nên không đếm quá mười, vì sợ tâm không tập trung, nên đếm không ít hơn mười.

Ở trên vì không có hay chưa từng đếm, nên tùy. Hơi thở ra vào, đi không có chỗ đi, tùy theo dài hay ngắn? Là khắp thân? Hay ở một chỗ? Vào là xa hay gần? Tối chỗ nào rồi trở lại?

Chỉ là tùy theo tâm ưa thích đối với một phần thân, buộc tâm khiến cho trụ ở đó, mà quán sát hơi thở kia, đối với thân là lợi ích hay tổn hại, là lạnh hay là ấm, đều đặn như thế.v.v...

Quán nghĩa là tu tập, tích cực tu tập, như tự nhớ tên mình, tùy theo những gì mình muốn mà hiện ở trước. Hoàn nghĩa là nếu dựa vào dục giác thì ít hành, nếu dựa vào người giác xuất ly thì siêng tu.

Tịnh, nghĩa là làm tịnh các cái. Người tu hành đối với hơi thở ra vào chỉ tạo nên một tướng. Quán thân như ống trúc. Quán hơi thở như xô ngọc, hơi thở ra vào không lay động. Ở nơi thân, không phát sinh thân thức, đó gọi là thành niệm an ban.

Có thuyết cho là cũng khởi thân thức, chỉ không làm tổn thương thân. Lại nữa, người tu hành dùng “Cực vi hoại” đối với hơi thở ra vào, gọi là quán thân. Thọ hơi thở ra vào gọi là thọ tức quán, thọ đó gọi là quán thọ, nhận biết hơi thở ra vào gọi là thức tức quán. Thức kia gọi là quán thức. Tưởng hơi thở ra vào gọi là tưởng tức quán, tưởng đó là quán tưởng (Các cực vi hoại sắc. Sắc hết, diệt hết, sau đó, dùng hỷ và tưởng khởi thức, khiến cho hiện ở trước, bèn quán ngay ba thứ kia, cho là hạt giống phước thiện của ba niệm xứ). Không phải hơi thở vào chưa diệt mà sinh hơi thở ra. Không phải hơi thở ra chưa diệt mà sinh hơi thở vào, đó gọi là nhân nơi an ban hành độ vô thường.

Vì hơi thở vào bức bách nên hơi thở ra diệt, đó gọi là hành độ khổ, đó gọi là được hạt giống của phước thiện môn giải thoát vô nguyện. Hơi thở ra vào, sinh, trụ, diệt không tự tại, là gọi nhân hơi thở ra vào, quán hành vô ngã độ. Vì hơi thở ra vào, lia nhân thường, v.v... kia, là hành độ không, đó gọi là đắc hạt giống của môn phước thiện giải thoát không. Đối với hơi thở ra vào, sinh tâm nhàm chán, hướng đến Niết-bàn, đó gọi

là đặc hạt giống của môn phương tiện giải thoát vô tướng.

Trong tam-muội, dựa vào hai lớp dục đàng kia, dựa vào trung tăng, như thế, theo thứ lớp, pháp Noãn, cho đến trí tận, trí vô sinh.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói giới, giới này thế nào?

Đáp:

*Hai mươi, nói cõi Dục  
Cõi Sắc hoặc mười sáu  
Cõi Vô Sắc có bốn  
Xứ sở, thứ lớp nói.*

Hai mươi nói cõi Dục: Đó là tám đại địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, bốn châu thiên hạ và sáu tầng trời cõi dục. Hai mươi cõi này là cõi Dục. Các chúng sinh này lấy dục thọ thân các dụng cụ và thứ hai, cho nên nói là cõi Dục.

Cõi Sắc hoặc mười sáu, nghĩa là Phạm thân, Phạm-phú-lâu, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô ấm, Phước sinh, Quả Thật, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện hiện và Sắc Cứu Cánh. Mười sáu xứ này là cõi Sắc.

Hữu dục khiến thành mười bảy: Mười sáu như trước và Đại phạm, chúng sinh kia thọ sắc thân chẳng phải các dụng cụ, chẳng phải thứ hai, cho nên nói là cõi Sắc.

Cõi Vô Sắc có bốn, đó là Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Chúng sinh của xứ này không thọ sắc thân, lia sắc dục, nên gọi là cõi Vô Sắc.

Hỏi: Vì sao lập ba cõi? Vì ái dứt hay vì xứ sở? Nếu ái dứt thì lẽ ra có chín, nghĩa là ái cõi Dục dứt cõi Dục, như thế từ Sơ thiên cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Nếu vì xứ sở nên lập, thì lẽ ra có bốn mươi như trước nói?

Đáp: Vì ái dứt chung nên nói, nghĩa là ái cõi Dục dứt ái cõi Dục, cũng thế ái cõi Sắc dứt ái cõi Sắc, ái cõi Vô Sắc dứt ái cõi Vô Sắc. Vì cõi Dục không nhất định, nên có một xứ. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc vì nhất định, nên không có một xứ.

Hỏi: Kiến lập giới (cõi) thế nào?

Đáp: Xứ sở theo thứ lớp nói. Có thuyết cho là từ dưới thứ lớp lên trên, dưới hết là địa ngục Vô Trạch, kế đó là địa ngục Đại Nhiệt. Thứ lớp như thế cho đến Sắc Cứu Cánh.

Trên Sắc Cứu Cánh lại có địa ngục Vô Trạch, thứ lớp cho đến Sắc Cứu Cánh. Nếu lia dục của một cõi Dục, thì lia dục của tất cả cõi Dục. Nếu được thần túc của Sơ thiên, thì có thể đến một cõi Dục và một

Phạm Thế. Lại nữa, hữu dụng khiến cùng khắp, lập giới một bên.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy thức trụ, thức trụ này thế nào?

Đáp:

*Đường thiện ở cõi Dục*

*Và ba địa cõi Sắc*

*Ba Vô Sắc cũng thế*

*Đây gọi là thức trụ.*

Đường thiện cõi Dục, đó là hàng trời và người, ba địa trước của cõi Sắc, ba địa trước của cõi Vô Sắc. Bảy địa này gọi là thức trụ. Chúng sinh có sắc, nghĩa là thành tựu sắc thân. Các thứ thân là các thứ hình. Các thứ tướng, là tướng khổ, vui, không khổ, không vui, đó gọi là thức trụ ban đầu. Lại nữa, các thứ thân, như trước nói. Một tướng, đó là tướng nhiệm ô.

Thân trời Phạm kia, lúc mới sinh, nghĩ thế rằng: “Ta từ trời Đại Phạm sinh”. Trời Đại Phạm nghĩ thế này: “Ta có thể sinh ra xứ sở cao, thấp kia và giác, quán thức thân”. Phạm thiên có các thứ thân, đó gọi là thức trụ thứ hai. Một thân là sắc thân, thì gồm hình, vị trí, chất lượng, v.v... Các thứ tướng là tướng vui và tướng không khổ, không vui.

Hỷ căn vốn là quyến thuộc của sự nhàm chán, xả căn lại hiện trước mặt sự nhàm chán kia rồi, thì hỷ lại hiện ở trước, đó gọi là thức trụ thứ ba.

Một thân, một tướng: Một thân, như trước đã nói, một tướng là lạc, đó gọi là thức trụ thứ tư. Chúng sinh ở cõi Vô Sắc, không thành tựu sắc thân, vì đã lìa sắc dục.

Độ tất cả tướng sắc, hành lìa sắc nên nói vì sắc tướng tương ứng với nhãn thức. Nếu lìa sự ham muốn của Sơ thiên, độ dục, ái hành, lìa dục vọng của đệ Tứ thiên, muốn độ hành sắc hành. Vì nghĩa này, nên nói diệt là tướng có đối, vì tương ứng với năm thức thân.

Không nhớ nghĩ các thứ tướng, nghĩa là các thứ tướng kia, phân tán khắp ở thiên thứ tư, để duyên các thứ nhập. Nếu nhiệm ô là duyên mười nhập, không nhiệm ô thì duyên mười hai nhập, vì đã lìa sự khuấy rối của dục vọng nên nói như thế.

Không nhớ nghĩ vô lượng: Vì hành vô lượng, phương tiện tư duy nhập vào không. Chánh thọ không, nên nói là không xứ nhập. Không xứ nhập thành tựu, là thành tựu bốn ấm của địa kia, đó gọi là thức trụ thứ năm. Phương tiện tư duy thức nhập thức xứ, đây gọi là thức trụ thứ sáu. Vì không có phần của hành vô lượng, nên nói là Vô sở hữu xứ, đó gọi là thức trụ thứ bảy.

Hỏi: Vì sao lập bảy thức trụ?

Đáp: Vì thức ưa trụ ở xứ đó, nên nói là thức trụ. Vì khổ đường ác ép ngặt, nên thức không ưa trụ. Vì trời Tịnh Cư hưởng đến Niết-bàn, nên thức không ưa trụ, vì chúng sinh của trời Vô Tướng không có tâm. Các cõi khác ở Tứ thiên, hoặc vì cầu Vô Sắc, hoặc vì cầu Tịnh Cư, hoặc vì cầu vô tướng, nên thức không ưa trụ. Vì hữu thứ nhất không nhay bén, nên thức không ưa trụ.

Lại nữa, nếu xứ đó có pháp của thức hư hoại, thì không lập thức trụ. Vì đường ác là căn khổ hư hoại, vì Tam-muội Vô tướng của đệ Tứ thiên bị hư hoại, vì Tam-muội Diệt tận của hữu thứ nhất bị hư hoại nên không lập thức trụ.

Hỏi: Chỗ cư trú của chín loại chúng sinh thì thế nào?

Đáp:

*Vô tướng, hữu thứ nhất  
Là nơi chúng sinh ở  
Gọi bốn ấm hữu lậu  
Là nơi bốn thức trụ.*

Hữu thứ nhất Vô tướng nói là nơi chúng sinh ở, nghĩa là trước đây đã nói bảy thức trụ và trời Vô tướng hữu thứ nhất là chín chỗ ở của chúng sinh.

Hỏi: Vì sao không nói đường ác là nơi ở của chúng sinh?

Đáp: Vì không có phần ưa trụ, vì nhiều đau khổ, nên không ưa trụ, vì trời Tịnh Cư nhanh chóng hưởng đến Niết-bàn, nên không ưa trụ. Còn lại đệ Tứ thiên, như trước đã nói.

Hỏi: Bốn thức trụ thì thế nào?

Đáp: Là bốn ấm hữu lậu tức nói bốn thức trụ, ngoại trừ thức ấm, bốn ấm hữu lậu còn lại được gọi là thức trụ.

Có thuyết cho là ấm số chúng sinh, gọi là thức trụ thì không đúng. Vì sao? Vì dựa vào phần nghĩa hành tương ưng duyên, nên gọi là Trụ. Nương: Là duyên sở y của thức, năng duyên chẳng có phần sở duyên, âm Phạm là Hà-ba-tha-da, dịch nghĩa là lưu chú, nghĩa là thọ sanh thai phần nối tiếp quá khứ, vị lai tuy chẳng phải số chúng sanh, cũng có năm nghĩa, cho nên được làm thức trụ. Pháp vô lậu cũng nói thức trụ là không đúng. Vì sao? Vì thức nhiễm ô, bị hư hoại, nên không lập thức trụ, thức ấm không phải thức trụ, nên hai thứ này không có phần, trước sau không đều, không đoái nghĩ đến tự tánh. Thức của phần mình trụ nơi ấm của phần mình, nghĩa là cõi Dục an trụ cõi Dục, so sánh như vậy, không khác cõi, không khác địa, không khác thân.

Hỏi: Vì sao tự phần ấm nói là thức trụ, không nói là tự phần?

Đáp: Vì tự phần ấm gồm nhiếp thức.

Hỏi: Không tự phần tâm ấm và phi tâm ấm sao gọi là thức trụ? Khi tâm của giới khác trụ gọi là chẳng phải tự phần tâm ấm, khi pháp Vô tâm trụ thì gọi là phi tâm ấm.

Đáp: Vì có tướng được. Tướng được đó cũng là tướng của thức trụ thành tự. Nếu tự phần thức kia phát sinh, thì thức đó sẽ chuyển biến theo và thức đó sẽ có nghĩa thức trụ, vì nhân duyên trung gian gây trở ngại nên thức không sinh, chứ chẳng phải thức trụ chẳng có phần!

Hỏi: Đức Thế Tôn nói duyên khởi, pháp duyên khởi đó có tướng gì?

Đáp:

*Phiền não sự và nghiệp*

*Phát sinh theo thứ lớp*

*Nên biết là chi hữu*

*Chúng sinh, tất cả sinh.*

Ba phần chi duyên khởi, đó là: Phiền não, nghiệp và sự. Phiền não, nghiệp và sự này được phát sinh theo thứ lớp của nó, gọi là chi duyên khởi, nên biết chi duyên khởi ấy:

*Kiến lập các phần này*

*Là chúng sinh thọ sinh*

*Quá hai và chưa sinh*

*Trung gian nói có tám.*

Lập ra các phần này, gọi là chúng sinh thọ sinh. Đối với ba phần duyên khởi này, nói mười hai chi.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp: Quá hai và trung gian chưa sinh, nói là tám. Khi ở đời quá khứ các phần phiền não gọi là vô minh, khi quá khứ sanh thì nghiệp gọi là hành. Hiện tại nối tiếp, gọi là Thức. Sự nối tiếp kéo dài khi sáu nhập chưa đầy đủ, gọi là danh sắc. Khi các căn đầy đủ, gọi là sáu nhập, chưa có khả năng phân biệt được khổ, vui, không khổ, không vui. Căn, trần, thức hợp nhau, gọi là Xúc. Phân biệt được khổ, vui, mà chưa phân biệt được phiền não gọi là Thọ.

Ưa thích với cảnh đáng ưa, khó chịu với cảnh không đáng ưa, hoặc rời xa, hoặc hướng đến sự yêu mến, gặp nhau gọi là ái. Hiện tại đây áp sự bức rức gọi là thủ. Lại sinh thân sau, nói là hữu. Hiện tại có gieo trồng để sinh ấm ở vị lai, gọi là sinh. Ấm của vị lai đã chín muồi, gọi là lão. Xả bỏ ấm vị lai gọi là Tử.

*Ba chi hữu, phiền não  
Hai nghiệp, sự là bầy  
Bầy thứ là chi trước  
Năm thứ là chi sau.*

Ba chi hữu phiền não, hai nghiệp là: Ba chi hữu đó là: Vô minh, ái và thủ là hành của phiền não. Và hai chi hữu là nghiệp, những chi khác là sự. Bầy gọi là chi hữu trước, năm thì là nói phần sau. Có nghĩa là từ vô minh đến thọ là bầy chi, đó gọi là duyên khởi của đời trước, còn năm chi sau là duyên khởi của đời sau.

*Năm chi trước là quả  
Hai chi kế là nhân  
Ba chi sau là nhân  
Hai chi cuối là quả.*

Duyên khởi đời trước từ thức, cho đến thọ là quả. Vô minh, hành là nhân, Duyên khởi sau, ba chi trước là nhân, hai chi cuối là quả.

Hỏi: Các chi hữu đời trước và đời sau, có xoay vần hợp nhau chăng?

Đáp: Được. Việc ấy ra sao?

*Trước si, sau ái thủ  
Hành hữu hợp cũng thế  
Danh sắc, nhập, xúc, thọ  
Là nói đồng già chết  
Khi thức mới thọ thân  
Là ở đời vị lai.*

Hỏi: Đã biết chi hữu, trước sau xoay vần gồm nhiếp lẫn nhau. Chi hữu đó sinh khởi thế nào?

Đáp:

*Phiền não khởi nghiệp phiền  
Nghiệp đó chuyển sinh sự  
Sự cũng sinh ra sự  
Cũng lại sinh phiền não.*

Duyên phiền não sinh phiền não: Đó là duyên ái sinh ra thủ. Duyên phiền não sinh ra nghiệp, đó là duyên thủ sinh ra hữu, duyên nghiệp sinh ra sự, đó là duyên hữu sinh ra sinh.

Duyên sự sinh ra sự, đó là duyên sinh, sinh ra già chết. Duyên sự lại sinh ra phiền não, nghĩa là như trước đã nói: Danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ tức là chi sau của già chết. Vì lý do đó, nên nói duyên thọ sinh ái, cũng nói duyên già chết, sinh ra vô minh, đó gọi là vô thủy hữu luân.



Hỏi: Có bốn thứ duyên khởi. Bốn thứ đó là gì?

Đáp:

*Là chúng nối tiếp chuyển  
Sát-na và ràng buộc  
Cùng trước là phần đoạn  
Đó gọi là duyên khởi.*

Nối tiếp chuyển là nghĩa vô thủ. Vì nhân quả lần lượt ràng buộc nhau nên nói là vòng duyên khởi. Cũng như mặt trăng đầy voi không thể biết. Thế nên, Tu-đa-la nói: Bốn tế của hữu, ái không thể biết!

Nên nói điều cần nói, không thể biết cái mình có, có mà chẳng thể biết là không đúng. Vì sao? Vì không có nhân của lời nói. Lời nói không, nghĩa là nếu có người hỏi, tại sao không, tức không thừa nhận nhân của lời nói.

Lời nói không thể biết, nghĩa là nếu có người hỏi, vì sao không thể biết, thì đáp vì vô thủy, như trăng đầy voi không thể biết!

Nhân duyên như vậy, là duyên khởi nối tiếp nhau. Như vầng trăng đầy voi không thể biết, cho nên nói là không thể biết. Trong khoảng một sát-na, tất cả chi hữu đều hiện ở trước mặt, nên nói là sát-na. Như Luận Thức Thân nói: Đối với sự trang nghiêm, vì vô tri, nên khởi lên lòng tham. Vô tri ấy là vô minh, tham ấy là hành. Ở sự biết là thức, thức cùng sinh khởi với bốn ấm kia, gọi là danh sắc. Danh sắc lập ra các căn, là sáu nhập, sáu nhập bị chấp lấy là xúc. Cảm giác có được từ xúc là thọ. Mừng vui do thọ sinh ra là ái. Ái cùng với sinh nối tiếp là thủ. Thọ sinh ra nghiệp đời sau là hữu. Khởi năm ấm của đời sau là sinh. Năm ấm ấy chín muồi là già, từ bỏ năm ấm là tử, vì lần lượt ràng buộc lẫn nhau, nên nói là nhân duyên ràng buộc nối tiếp. Sự lần lượt của căn bản là nghĩa lâu xa, không phải chỉ có mười hai chi, gọi là duyên khởi, hoặc này sinh, hoặc sở sinh, tất cả pháp hữu vi đều nói là duyên khởi.

Tôn giả Phú-na-da-xá nói: “Hoặc duyên khởi chẳng phải là đã duyên khởi”. Đó là pháp vị lai. Đã duyên khởi chẳng phải duyên khởi thì đó là năm ấm ở quá khứ và hiện tại của vị A-la-hán qua đời. Duyên khởi rồi duyên khởi: Nghĩa là trừ năm ấm quá khứ, hiện tại của vị A-la-hán qua đời. Các pháp quá khứ, hiện tại khác, không phải duyên khởi, không phải đã duyên khởi, đó là pháp vô vi, vì giữa phần đoạn có thể được, nên nói là phần đoạn. Phiền não sinh ra vào đời quá khứ, phân ra, nói là vô minh phần còn lại, như trước đã nói.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sinh và đường, thì sinh gồm nhiếp cả đường hay đường gồm nhiếp sinh?

Đáp:

*Sinh nhiếp tất cả đường  
Chẳng phải đường nhiếp sinh  
Vì sinh trung ấm tăng  
Nên biết chẳng thuộc đường.*

Sinh gồm nhiếp đường không phải đường gồm nhiếp sinh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì trung ấm trong sinh gia tăng. Trung ấm là thuộc về sinh, không phải thuộc về đường, vì đến, nên nói là thú.

Trung ấm, là đi, chẳng phải đến, cho nên, không phải cõi. Sinh nghĩa là bốn cách sinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Cõi Dục có đủ bốn thứ. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc hết thủy là hóa sinh. Địa ngục hóa sinh, súc sinh có bốn thứ. Ngạ quỷ hóa sinh cũng có thai sinh. Cõi người có bốn thứ, cõi trời hóa sinh, hóa sinh nhiều nhất, vì hoàn toàn là hai đường, phần ít của ba đường, nên cũng cho đó là hơn hết.

Hỏi: Nếu là hơn hết, thì Đức Thế Tôn tại sao không hóa sinh?

Đáp: Không cùng thời. Nếu lúc có hóa sinh thì không có Đức Phật ra đời và thời kỳ nào có Phật xuất hiện ở thế gian thì không có người hóa sinh.

Lại nữa, vì Nhất thiết thắng, Đức Thế Tôn là chủng tánh do Nhất thiết thắng sinh ra nên Ngài là tối thắng đối với tất cả chúng sinh, cũng là để nói pháp cho người tín thọ, cũng là để dứt trừ tánh cao ngạo của dòng họ.

Đường là năm đường: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời. Vì không có gì đáng vui, nên gọi là địa ngục. Vì thân đi ngang, nên nói là súc sinh. Vì mong cầu từ người khác, nên nói là ngạ quỷ. Vì ý vắng lặng nên nói là con người. Vì sáng suốt, nên nói là trời. Vì có dục, nên A-tu-la và trời đồng ở một đường, thế nên có lời nói ông trước kia là trời.

Hỏi: Nếu vậy vì sao họ không kiến đế?

Đáp: Vì họ đã bị tánh dua nịnh che lấp. Có thuyết cho là ngạ quỷ đại lực, đường trời không nói.

Hỏi: Nếu vậy tại sao Trời Đế-thích lại quen gần với họ?

Đáp: Vì do tham sắc. Phải gánh vác nhiều là Cưu-bàn-trà, Lạc-xoa, cũng thuộc về đường ngạ quỷ. Khẩn-na-la, Tỳ-xá-già, Hê-lỗ-bà, Ca-xà-la, Phả-câu-la, thuộc về đường súc sinh.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu cõi, sáu cõi này thế nào?

Đáp:

*Cái gọi bốn đại chủng*

*Và các thức hữu lậu  
Cũng tướng trung gian sắc  
Cõi này là gốc sinh.*

Cái gọi là bốn đại chủng và các thức hữu lậu, cũng là tướng trung gian của sắc: Đó là năm thức thân của bốn đại và ý thức hữu lậu cũng là trung gian của sắc, là chốn mà mắt thọ nhận là “Số không giới”, đó gọi là sáu giới.

Hỏi: Đã nói mười tám giới, vì sao lại còn nói riêng sáu giới?

Đáp: Vì sáu giới này là gốc để sinh ra. Giới này còn được gọi là “Số sĩ phu”, vì lập ra căn bản của sự sinh, nên pháp vô lậu không lập trong sáu giới. Bốn đại như đã nói trong phẩm Giới.

Hỏi: Để có tướng gì?

Đáp:

*Là các hành, tánh quả  
Hữu lậu là nói khổ  
Tánh nhân chính là tập  
Diệt đế, các khổ dứt.*

Là các hành của tánh quả, hữu lậu chính là khổ. Nghĩa là tất cả hành hữu lậu, vì có nhân và tánh ràng buộc nên nói là khổ. tánh của nhân chính là nhóm hợp. Nghĩa là hành hữu lậu này là tánh của nhân, gọi là tập đế. Vì vậy khổ, tập là một vật do nhân quả mà lập ra hai đế. Diệt đế thì các khổ đều dứt hết, tất cả pháp hữu lậu rớt rạo vắng lặng, đó là diệt đế.

*Nếu các hành vô lậu  
Đó gọi là đạo đế  
Vì hai nhân duyên này  
Thô, tế lần lượt hiện.*

Nếu các hành vô lậu, đó gọi là đạo đế, nghĩa là hết thảy hành vô lậu, đều gọi là đạo đế, vì có sự trái nhau.

Hỏi: Tại sao gọi là đế?

Đáp: Vì do hai nhân duyên. Có hai nhân duyên mới được gọi là đế, đó là tự tánh không giả dối và kiến. Tự tánh đó đã được giác ngộ, không điên đảo. Hư không chẳng thường duyên theo sự vắng lặng, nên dù tự tánh không giả dối, nhưng vì vô ký, vì vô lậu, nên không nói là đế! Nếu pháp là khổ, là nhân của khổ, là lìa khổ, là đối trị khổ thì pháp ấy mới được lập đế. Vì pháp kia là vô lậu, không phải khổ, không phải nhân của khổ, vì vô ký nên chẳng phải lìa khổ, vì vô vi nên không phải đối trị khổ. Thế nên nói bốn đế là bệnh, nhân của bệnh, dứt bệnh thì

thuốc chữa bệnh, cũng nói như vậy.

Hỏi: Thánh đế có nghĩa là gì?

Đáp: Thánh đã khởi sự giác ngộ chân thật, đối với các đế này và còn bảo cho người khác biết rõ nữa, nên gọi là Thánh đế.

Tướng bức bách này gọi là khổ, tướng sinh gọi là tập, tướng lặng dứt gọi là diệt, tướng ra khỏi gọi là đạo.

Hỏi: Đáng lẽ nhân trước, quả sau, tại sao Đức Thế Tôn lại nói quả trước?

Đáp: Thô, tế thứ lớp biểu hiện. Mặc dù như vậy nhưng thuận theo vô gián đẳng nên nói quả trước, vì khổ thô to nên trước là vô gián đẳng.

So sánh như vậy, diệt tuy là vi tế, nhưng chẳng phải đạo, trước lập bày nói đế cầu diệt, mà thô chẳng phải đạo.

Lại nữa, vì nghĩa dễ vượt qua, nên từ thô thứ lớp lập thô, về khổ của cõi Dục, Đức Thế Tôn nói vô gián đẳng trước. Về sau mới nói đến khổ cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Nỗi khổ cõi Sắc dù thô, chứ chẳng phải như cõi Vô Sắc là định, bất định, thế nên, có một vô gián đẳng, v.v...

Hỏi: Chân đế vô gián đẳng v.v... là thế nào? Là tự tướng hay cộng tướng?

Đáp: Vì đế nên là tự tướng, vì ấm nên là cộng tướng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn có bao nhiêu việc?

Đáp:

*Quả Thánh có sáu việc*

*Hơn hết ở chín địa*

*Thứ ba ở sáu địa*

*Hai quả nương vị lai.*

Quả Thánh có sáu việc: Nghĩa là có sáu việc nói về quả Sa-môn, đó là năm ấm vô lậu và số diệt. Đạo Thánh nói là quả Sa-môn, đạo Thánh đó là quả này. Về quả Sa-môn sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Quả Sa-môn ấy thuộc về địa nào?

Đáp: Trên hết là chín địa, quả A-la-hán thuộc chín địa, đó là thiên vị lai, trung gian, bốn thiên căn bản và ba Vô Sắc.

Thứ ba ở sáu địa: Nghĩa là quả A-na-hàm thuộc về sáu địa, trừ Vô Sắc. Hai quả dựa vào vị lai là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm còn dựa vào vị lai, vì chưa lìa dục!

Hỏi: Đạo có tướng gì?

Đáp:

*Hành pháp tùy tín hành*

*Lìa tướng phiền não chậm  
Hành pháp tùy pháp hành  
Lìa tướng phiền não nhanh.*

Hành pháp tùy tín hành, lìa tướng phiền não chậm, nghĩa là tùy tín hành đã thực hành pháp vô lậu, và thuộc về loại căn mềm yếu, nên biết là chậm chạp. Nếu theo chỗ tiếp nhận của tín hành nên biết, có tín giải thoát, thời giải thoát, cũng tiếp nhận, cùng với căn mềm yếu, hành pháp tùy pháp hành.

Lìa tướng phiền não nhanh, nghĩa là tùy pháp hành nên đã thực hành pháp vô lậu và thuộc về loại căn nhạy bén nên biết là đạo nhanh chóng. Nếu tùy theo sự tiếp nhận của pháp hành, nên biết kiến đạo, bất thời giải thoát, cũng tiếp nhận đồng với căn cơ nhạy bén.

*Trong địa thiên căn bản  
Nên biết là đạo vui  
Vì giảm và, khó được  
Nên biết là nói khổ.*

Trong địa thiên căn bản, nên biết là đạo yên vui: Pháp của căn cơ yếu nơi địa Tứ thiên căn bản và pháp của căn cơ nhạy bén, được gọi là đạo yên vui, vì chỉ quán, v.v... hành của đạo yên vui nơi địa thiên căn bản kia giảm ít và khó được.

Nên biết là nói khổ, nghĩa là căn cứ vào địa khác để nói là đạo khổ, vì giảm ít. Đó là chỉ đạo giảm ít ở thiên trung gian, vị lai, và đạo quán của định Vô Sắc tắt mất, vì phương tiện đó rất khó được, nên nói là khổ, chứ không phải Thánh đạo là tánh thọ nhận khổ, cũng chẳng phải tương ứng với khổ thọ. Dù là đạo của khổ dứt hết, nhưng cũng có vô lượng phân biệt. Vì kiến lập địa này và căn nên nói có bốn. Địa của thiên căn bản kia, nếu là căn cơ nhạy bén nói là đạo vui và đạo nhanh. Nếu là cơ căn chậm lụt, thì nói là đạo vui và chẳng phải đạo nhanh. Đạo của địa khác, nếu là căn cơ nhạy bén nói là đạo khổ và đạo nhanh. Nếu là căn cơ chậm lụt nói là đạo khổ và chẳng phải đạo nhanh. Vì thắng tiến nên nói là đạo, vì chánh thời giải thoát nên nói là Đạo.

Hỏi: Thế nào là tịnh không hư hoại?

Đáp:

*Phật và pháp Thanh văn  
Giải thoát, cũng nhân khác  
Tín thanh tịnh, không nơ  
Giới Thánh, là quyết định.*

Đức Phật và pháp của Thanh văn, giải thoát cũng có nhân khác,

thanh tịnh, sự tin tưởng không cấu uế: Nghĩa là nếu ở chỗ Phật được pháp vô học, khởi niềm tin vô lậu đó gọi là tịnh không hư hoại đối với Phật. Nếu ở trụ xứ của tăng mà thực hành pháp học, vô học rồi khởi lên sự tin tưởng vô lậu, đấy gọi là tịnh không hư hoại đối với Tăng. Nếu đối với Niết-bàn, khởi niềm tin vô lậu, ngoại trừ pháp trước đã nói, đó là đối với khổ đế, tập đế khác và công đức vô lậu của Bồ-tát và công đức vô lậu của Bích-chi-Phật, phát sinh niềm tin vô lậu, đó gọi là pháp duyên không hư hoại, tịnh không hư hoại (vì duyên riêng với pháp bảo, nên nhất định duyên không hư hoại).

Nếu đối với pháp của Phật, pháp của Bích-chi-Phật và pháp của Thanh văn, khởi lên niềm tin vô lậu, đó gọi là pháp duyên hư hoại, tịnh không hư hoại (Vì duyên Tam bảo lẫn lộn, nên nói là duyên hư hoại).

Giới của Thánh: Giới vô lậu là bốn đại tịnh (Niềm tin là tâm tịnh, giới là bốn đại tịnh).

Hỏi: Vì sao vô lậu nói là tịnh không hư hoại?

Đáp: Vì đó là quyết định, trí chân thật đều sinh với niềm tin vô lậu. Giới quyết định niềm tin hữu lậu, bị sự không tin làm hư hoại. Giới hữu lậu bị giới ác hủy hoại. Giới vô lậu, qua nhiều đời không hư hoại, do quyết định này nên lập vô lậu là tịnh không hư hoại. (Về nghĩa này, sẽ nói rộng trong phẩm Trạch)

Hỏi: Tu định có tướng gì?

Đáp:

*Nếu có thiện, Sơ thiền  
Gọi là vui hiện pháp  
Là được trí sinh tử  
Đó gọi là tri kiến.*

Nếu Sơ thiền đều có thiện, gọi là niềm vui hiện pháp, nghĩa là tịnh vô lậu, Sơ thiền, trụ an lạc ở hiện pháp, đó gọi là tu định được vui hiện pháp. Nên biết đệ Tứ thiền cũng như vậy. Sơ thiền cũng nói là trụ trong niềm vui của đời sau, nhưng không phải tất cả, vì hoặc là lùi lại, hoặc sinh lên địa trên, hoặc nhập Niết-bàn. Vì niềm vui của đời sau không nhất định, nên Đức Thế Tôn nói là an trụ niềm vui hiện pháp, gọi là được trí sinh tử, ấy gọi là tri kiến, là sinh tử trí thông, gọi là do tu định được. Tri kiến, như nói lược, xứ đều nên biết.

*Nên biết tuệ phân biệt  
Phương tiện sinh công đức  
Kim Cương dụ, Tứ thiền  
Đó gọi là lậu tận.*

Nên biết, phương tiện tuệ phân biệt phát sinh công đức, nghĩa là nếu phương tiện phát sinh các công đức, từ pháp thiện muốn được văn, tư, tu thiện của ba cõi và vô lậu thì tất cả pháp thiện này được gọi tên, là tu định được tuệ phân biệt. Tứ thiền của Kim Cương dụ, đó gọi là lậu tận. Nghĩa là định Kim Cương dụ được gọi là sự tương ứng của tâm học sau cùng, dựa vào đệ Tứ thiền, đó gọi là tu định được lậu tận. Đây là Đức Thế Tôn đã tự mình nói ái của tất cả Bồ-tát, ở Vô sở hữu xứ của đệ Tứ thiền đều dứt hết, dựa vào đệ Tứ thiền vượt lên ly sinh, cho đến lậu tận.

Hỏi: Những gì là tự tánh của như ý túc?

Đáp:

*Các pháp hữu vi thiện  
Từ phương tiện sanh khởi,  
Phật nói như ý túc  
Đó cũng nói chánh đoạn.*

Các pháp hữu vi thiện do phương tiện sanh khởi, Đức Phật nói như ý túc: Nghĩa là trước đây nói phương tiện đã sinh ra công đức. Tất cả phương tiện đó là đồ dựng như ý, nên nói là như ý túc. Tâm mình tự tại, phát sinh đủ các thứ công đức nên nói là như ý túc. Vì công đức kia đầy đủ như ý, nên nói là như ý túc. Công cụ của chi túc đều đồng một nghĩa.

Hỏi: Việc này ra sao?

Đáp: Gọi là Tam-muội, Tam-muội đó lại chia làm bốn thứ tăng thượng. Nếu dục tăng thượng khởi Tam-muội, gọi là dục định. Tâm tinh tiến, tuệ tăng thượng khởi Tam-muội cũng như vậy, vì định kia, trước là dục nên dục tăng thượng. Dục đã sinh rồi, vì muốn được thành tựu, nên tinh tiến tăng thượng. Vận dụng phương tiện tinh tiến rồi, thì thuận theo mong cầu, nên tâm tăng thượng.

Đối với dục, tâm tinh tiến hướng đến chân chánh, vì như ý túc là rất ráo, cho nên tuệ tăng thượng. Do vậy, nếu không có tuệ thì mọi thứ dục khác đều mất.

Hỏi: Thế nào là như ý? Thế nào là túc?

Đáp: Định là như ý, dục v.v... là túc. Dù có các pháp như thọ, v.v... sinh ra, nhưng chỉ giữ lấy sự sinh định này nên gọi là túc. (Về nghĩa này, sẽ nói rộng trong phẩm Tập).

Như ý túc ấy, cũng nói là chánh đoạn, nghĩa là chính các công đức này, được nói là chánh đoạn, vì ngọn lửa chánh trí đốt rụi cỏ phiền não, nên nói là sự đốt cháy chân chính. Vì trí tuệ ấy cũng dứt các phiền não,

nên nói là chánh đoạn.

Hơn nữa, vì dứt trừ phiền não hơn hết, nên nói là chánh thắng. Các công đức, các lỗi ác kia, bỏ sự nuôi lớn, hoặc đề phòng, hoặc gia tăng, đều có thể có khả năng, nên nói là chánh đoạn. Chánh đoạn đó, lại chia ra bốn thứ sự, như trong một sát-na, chiếc đèn đã làm nên bốn việc, đó là: Sự đốt cháy tim đèn, dầu cạn, bình đựng dầu nóng lên, bóng tối bị phá tan.

Như vậy, trong một sát-na, sự tinh tiến được biểu hiện ở trước mặt, đã làm bốn sự đối trị pháp ác đã sinh v.v..., như Tu-đa-la có nói rộng: Chấm dứt chủng phiền não, căn đạo dứt được phiền não quá khứ, vị lai. Phiền não đã dứt được, là nói quá khứ đã mất, vị lai không khởi. Dù đã dứt tất cả hữu lậu, nhưng vì pháp ác cực ác, trái với Thánh đạo, nên chỉ nói pháp ác cắt đứt sự sanh, vì một quả nên nói là điều ác sinh, hai quả nên nói là bất thiện. Vì đã sinh pháp thiện, an trụ nối tiếp nhau, nên nói là trụ. Vì phẩm hạ trung thượng tăng trưởng, nên nói là lại tu thêm rộng. Dù A-la-hán không có pháp nào bất thiện và đối trị đoạn, mà vẫn có pháp đối trị hư hoại (sự chệch bại, quả trách là đối trị hư hoại), đem đối trị để đối trị với phần xa, cũng nói là bốn chánh đoạn. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy.

*Đây nói bốn niệm xứ  
Bốn Thánh chủng cũng vậy  
Như tăng thượng kia sinh  
Là đều nói theo danh.*

Ở đây nói bốn niệm xứ, nghĩa là trước đã nói về công đức, cũng nói về niệm xứ, đó là thân, thọ, tâm, pháp, trong ngoài đều có tự tướng và cộng tướng, vì thuận theo quán nên nói là niệm xứ, như đã nói trong phẩm Hiền Thánh.

Bốn Thánh chủng cũng vậy, công đức nói ở trước, cũng nói bốn hạt giống Thánh, vì bậc Thánh lấy bốn niệm xứ này làm hạt giống, nên nói là Thánh Chủng, vì Thánh đã sinh ra từ bốn niệm xứ đó, nên gọi là Thánh chủng.

Hỏi: Thánh chủng có tánh chất gì?

Đáp: Thánh chủng có tánh chất của căn thiện vô tham. Nếu quyền thuộc là tánh của năm ấm, thì bốn thứ ái đã nhận lấy pháp đối trị, nên nói là bốn nhân, nương dựa nhau sinh ra nhân của ái. Nhân khát thực, nhân của dụng cụ ngồi nằm, hữu vô hữu sinh ái (không có ái, nghĩa là ái đã đoạn, đã diệt trừ là ba thứ ở trên và ái này. Ái khác, có tên chung là hữu ái).



Tùy thuộc vào ái đó, theo thứ lớp đối trị, lập bốn hạt giống Thánh. Vì y phục, sự khát thực bao gồm cả thuốc thang, lại không tất cả, vì không tất cả thời, nên thuốc thang không lập riêng, vì hạt giống Thánh sinh khởi ở cảnh giới hiện tại. Tri túc (sự biết đủ) lập Thánh chủng, không phải là thiếu dục (ít ham muốn) tri túc là khởi hiện ngay ở hiện tại, thiếu dục ở vị lai sinh khởi hiện tại, không lấy một đồng tiền là khó, chẳng phải là hạt giống Thánh của vua Chuyển luân trong vị lai. Đối với người xuất gia có hai điều tốt đẹp, đó là niềm hy vọng và sự thọ dụng, người tại gia, chỉ có mỗi sự hy vọng.

Hạt giống, nghĩa là gìn giữ, cho nên luật nghi biệt giải thoát lấy vô tác (không có tạo tác) làm chủng tử Thánh, không phải làm cõi Sắc, Vô Sắc, tuy không có áo, cơm nhưng có chủng tử Thánh, đó là luật nghi vô lậu.

Hỏi: Vì sao nói các công đức này là như ý túc, cho đến Thánh chủng?

Đáp: Sự phát sinh tăng thượng như vậy là đều theo danh mà nói các công đức ấy. Vì định phát sinh tăng thượng nên nói là như ý túc. Vì tinh tiến phát sinh tăng thượng, nên nói là chánh đoạn. Vì niệm sinh khởi tăng thượng nên nói là niệm xứ. Vì tri túc sinh khởi tăng thượng nên nói là Thánh chủng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba mươi bảy phẩm giác có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp:

*Tín tịnh, tinh tiến, niệm  
Trí tuệ và hỷ ý  
Giác phẩm tương ưng xả  
Tư, giới, Tam-ma-đê.*

Mười việc như đã nói phần phẩm giác khác đều nhập vào mười việc đó. Thế là thế nào? Nghĩa là Tín là tín căn, tín lực. Tinh tiến là chánh đoạn, tinh tiến căn, tinh tiến lực, tinh tiến giác chi. Chánh phương tiện, niệm là niệm căn, niệm lực, niệm giác chi. Chánh niệm tuệ là niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp, giác chi, và chánh kiến. Hỷ là hỷ giác chi. Ý là ý giác chi, và xả là xả giác chi. Tư là chánh tư duy, giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tam-ma-đê là như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, và chánh định.

Tỳ-bà-sa cho rằng: Giới có hai thứ: Thân nghiệp, khẩu nghiệp không hư hoại, nên nói có mười một sự.

Hỏi: Vì sao các pháp này được lập bằng nhiều cách?

Đáp:

*Xứ, phương tiện tự tại  
Độn và lợi cũng thế  
Kiến đạo cũng tu đạo  
Nên nói ba mươi bảy.*

Xứ là chánh duyên, xứ đã được lập nên nói là niệm xứ. Phương tiện nghĩa là chánh phương tiện, nên nói là chánh đoạn. Tự tại là công đức tự tại, nên nói là như ý túc. Mềm yếu là năm pháp như tín, v.v..., mềm yếu là nói về căn.

Và sự nhạy bén cũng vậy: Trong các căn này, nếu tăng thượng là nói lực. Thế nên, nghĩa tăng thượng là nói căn, vì khó điều phục nên nói là lực.

Hỏi: Những gì là căn? Thế nào là thứ lớp?

Đáp: Tín, tinh tiến, niệm, định, và tuệ là căn. Thứ lớp nghĩa là tin nhân quả, có công năng làm căn bản cho tất cả pháp thiện, nên trước là nói về tín. Vì tin rồi sẽ từ bỏ điều ác, tu việc thiện, nên tinh tiến phương tiện. Dùng phương tiện tinh tiến rồi, tâm thường nhớ nghĩ cảnh giới. Tâm đã an trụ rồi, thì duyên không tán loạn. Không tán loạn rồi, mới có khả năng quán sát.

Lại nữa, quán sát pháp rồi, tâm mới định. tâm đã định, an trụ theo niệm chân chánh (chánh niệm). An trụ chánh niệm xong, chánh niệm mới có thể quán sát đúng. Quán sát đúng rồi mới tin nghiệp quả. Đó là nói theo thứ lớp nghịch.

Hỏi: Lập năm căn thế nào?

Đáp: Vì địa, nên lập ở sơ nghiệp của địa kia. Tín, tu, là nói sự huân tu, là do niềm tin đã un đúc nghiệp ban đầu. Tất cả sự tu dưới đây nên biết như vậy. Vì sự tu dẫn dắt tất cả pháp tốt đẹp. Kiến địa tu tinh tiến, kiến đạo tăng tiến mau chóng. Bạc địa gọi là niệm. Tu niệm trụ, khiến cho tham, sân, si trở nên mỏng yếu. Địa lìa dục gọi là định vì tu định, tu thiền căn bản. Địa vô học gọi là tuệ, tu tuệ lìa hẳn vô minh. Nói về lực, cũng như vậy.

Kiến đạo: Là chi kiến đạo, tu kiến đạo tăng tiến rất nhanh chóng. Từ chánh kiến cho đến chánh định, người tu hành kia hiển bày về tự tướng và cộng tướng của các pháp, nên nói là chánh kiến. Suy lường nghĩa chánh, nên nói là chánh tư duy. Không thuộc tà mạng lìa bốn điều ác của miệng, gọi là chánh ngữ. Không thuộc tà mạng và lìa ba nghiệp ác của thân, gọi là chánh nghiệp. Tà mạng thường diệt và lìa, nói là chánh mạng.

Vì có thể thực hiện phương tiện chân chánh nên gọi là chánh phương tiện. Vì duyên không quên niệm đúng đắn, nên gọi là chánh niệm. Vì giữ lấy một tâm niệm đúng đắn, nên gọi là chánh định.

Theo thứ lớp, như Tu-đa-la nói: Chánh kiến, nghĩa là chánh kiến kia là đạo, cũng là chi đạo. Những cái khác cho là chi đạo thì không phải đạo. Như định là thiền, cũng là chi thiền, những định khác cho là chi thiền, thì chẳng phải thiền. Như nói tám thứ định, cũng như vậy.

Tu đạo, là giác chi tu đạo. Tu đạo đã dứt chín phẩm phiền não. Vì đoạn nên được cực giác ngộ, do nghĩa giác nên nói là giác chi. Trạch pháp giác kia là giác, cũng là chi giác. Những cái khác cho là giác chi, thì không phải giác, là theo thứ lớp như Tu-đa-la nói.

Hỏi: Vì sao hỷ, ý, xả lập giác chi, mà chẳng phải đạo chi? Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, lập đạo chi mà chẳng phải giác chi? Tín đều chẳng phải?

Đáp: Vì thuận theo giác, cho đến biết duyên, thường sinh hỷ, cho đến sinh hỷ thường sinh giác, đó là chấm dứt tất cả sự và xả thường sinh giác. Vì không thuận theo tinh tiến, nên chẳng phải đạo chi. Tiến tới là nghĩa đạo. Hỷ là không đi, vì vui với chỗ ở. Vì ý, xả hoàn toàn trái với đi, nên không nói là đạo chi.

Giới là tiếng nói của đạo luận, nên lập đạo luận, vì không tương ưng với chi nên không phải là giác chi. Chánh tư duy là vì cố tìm chánh kiến cho nên tiến tới đi tới, thuận theo không phải giác, nên lập đạo chi mà không phải giác chi.

Tín là mới tập vượt qua, còn giác đạo là đã vượt qua, cho nên đều không lập. Nói ba mươi bảy, nghĩa là mười pháp này đều khác nhau, vì phân biệt sự, nên Đức Thế Tôn nói có ba mươi bảy. sơ nghiệp địa nói là niệm xứ, vì phân biệt tu về thân, v.v... Pháp noãn được gọi là chánh phương tiện, vì lửa của Thánh trí sinh ra noãn. Pháp Đảnh gọi là như ý túc, vì được công đức tự tại của pháp Đảnh. Pháp nhẫn được gọi là căn, vì căn đó tinh tiến thêm lên.

Pháp thế gian đệ nhất gọi là lực trụ, vì uy lực đó không thể khuất phục. Kiến đạo nói là đạo chi, vì sự tiến đến rất nhanh chóng. Tu đạo được nói là giác chi, vì giác ngộ. Vì thường tăng dần, nên trước là giác chi, kế là đạo chi, từ bốn cho đến tám, đó là các phẩm giác.

*Nhị thiền, ba mươi sáu*

*Vị lai cũng như vậy*

*Ba, bốn và trung gian*

*Đều là ba mươi lăm.*

Nhị thiên ba mươi sáu: trừ địa chánh tư, vì không có sự tư duy. Vị lai cũng như vậy, nghĩa là thiên vị lai cũng có ba mươi sáu, trừ hỷ, vì khó sanh khởi (Thiên vị lai khó sinh ra hỷ).

Ba, bốn và thiên trung gian, đều là ba mươi lăm, nghĩa là đệ Tam thiên, đệ Tứ thiên và thiên trung gian có ba mươi lăm (trừ hỷ) và chánh tư duy.

*Sơ thiên nói tất cả  
Vô Sắc ba mươi hai  
Trên hết hai mươi hai  
Cõi Dục cũng như vậy.*

Sơ thiên nói tất cả: nghĩa là Sơ thiên có ba mươi bảy phẩm, Vô Sắc có ba mươi hai, nghĩa là ba Vô Sắc có ba mươi hai, trừ hỷ, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Trên hết có hai mươi hai, nghĩa là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không có Đạo chi và Giác chi. Dù đạo chi là hữu lậu, nhưng vì nói sau giác chi, nên biết là vô lậu. Cho nên Tu-đa-la nói: Ba mươi bảy phẩm giác hoàn toàn vô lậu. Như Tu-đa-la nói: Tu quán bất tịnh đều niệm giác chi. Người tu quán kia, vì dùng Quán bất tịnh để điều phục tâm mình, sau đó giác chi mới hiện ở trước mặt.

Cõi Dục cũng như vậy. Cõi Dục cũng có hai mươi hai.

Hỏi: Bốn cách ăn ở địa nào và có tánh chất gì?

Đáp:

*Ăn vốc, trong các ăn  
Cõi Dục nói ba nhập  
Thức, tư và xúc thực  
Ăn này là hữu lậu.*

Ăn vốc trong các cách ăn, cõi Dục nói ba nhập: thức: Ăn vốc là ba xứ nhập trong cõi Dục, đó là: Hương, vị, xúc. Về sự thì có mười ba, nghĩa là mười một xúc và hương, vị. Tùy theo sự thích hợp, mà họ hoặc dùng cỏ, cây, rễ, trái, hoặc dùng ngũ cốc, nước ép, hoặc dùng mùi hương, hoặc dùng hơi ấm áp, cứ như vậy mà so sánh.

Thức tư và xúc thực, ăn này là hữu lậu. Nghĩa là, là ba cách ăn hữu lậu thức, tư, xúc, giữ cho sự sống nối tiếp và vì là chiêu cảm hữu, cho nên nói là ăn.

Vô lậu xúc v.v... tuy cũng gồm nhiếp để duy trì các căn bốn đại, mà không chiêu hữu, lại dứt hữu, nên không phải ăn.

Hỏi: Vì sao sắc chẳng phải ăn?

Đáp: Vì sắc thô nên chẳng phải ăn, vì sắc hư hoại nên gọi là ăn.

Sắc không thể cực gồm nhiếp cả bốn đại của các căn. Nghĩa gồm thân là nghĩa ăn (Về nghĩa này sẽ nói rộng trong phẩm Trạch).

Hỏi: Ba Tam-muội, mỗi Tam-muội có bao nhiêu hành chuyển biến?

Đáp:

*Vô nguyện có mười hành  
Hai hành là định không  
Bốn hành, là vô tướng  
Ấy gọi là Thánh hạnh.*

Vô nguyện có mười hành: Tam-muội vô nguyện có mười hành chuyển. Đó là: Hành vô thường, hành khổ, bốn hành tập, bốn hành đạo. Hai hành là không định: Là không Tam-muội, hành không và hành vô ngã chuyển. Bốn hành là vô tướng, ấy gọi là Thánh hành, nghĩa là Tam-muội vô tướng có bốn hành chuyển biến của diệt đế (đã nói rộng trong phẩm Định).

Hỏi: Bốn điên đảo là gì? Dứt những tánh nào?

Đáp:

*Nói bốn điên đảo kia  
Nên biết thấy khổ dứt  
Tự tánh ba kiến thêm  
Thấy chân thật, rõ ràng.*

Nói bốn điên đảo kia, nên biết thấy khổ dứt: Nghĩa là tất cả bốn điên đảo, vì không xa tìm căn bản, vì sinh khởi khổ xứ, nên thấy khổ dứt. Tỳ-bà-xà bà-đề muốn cho mười hai thứ điên đảo được gọi là vô thường, nghĩ ngược lại, tưởng ngược lại, thấy ngược lại v.v.... là thường biết, ngoài ra cũng như vậy.

Tám thứ thấy đạo dứt kia: Vô thường, vô ngã có sáu (hai thứ này mỗi thứ đều có tâm, tướng, kiến, thành sáu). Khổ thấy ngược là có vui, bất tịnh thấy tịnh, đó là bốn thứ ngược. Kiến đạo, tu đạo, dứt khổ và tướng đảo, tâm đảo về bất tịnh (thấy vui, tịnh, hoàn toàn kiến đế, đoạn tướng lạc tịnh. Hai kiến đạo tu đạo dứt là do kiến đế, nghĩa là kiến đoạn mà tâm tướng không hết). Nói như vậy, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì điên đảo là tánh của thấy, vì tướng, tâm là chỗ loạn của kiến. Nói tướng tâm là thọ nhận đảo ngược v.v... Mặc dù cái thấy bị lộn xộn, nhưng vì không phải bị đời ràng buộc, cho nên không nói. Nếu hỏi Tu-đà-hoàn, thế nào là sự đắm nhiễm, nghĩa là vì không dứt phiền não. Như tại gia, Tu-đà-hoàn dứt ngã đảo, cũng giống như khởi kiết của nam, nữ. Tướng phi pháp, khởi ra kiết về nam, nữ cũng như vậy. Tự tánh của

ba kiến tăng, kiến chân thật, nghĩa là sự rõ ràng bốn thứ điền đảo này, là tự tánh của ba kiến, chỉ nói phần ít. Kiến chân thật mới được kiến lập.

Hỏi: Tại sao?

Đáp: Vì tăng thêm lên. Nếu kiến kia, kiến lập tăng thêm phần điền đảo, thì đó như là lập ngã kiến trong thân kiến, là điền đảo, không phải là cái thấy của ngã, lập thường kiến trong biên kiến, là điền đảo, không phải đoạn kiến, lập kiến lạc, tịnh trong kiến thủ là điền đảo, không phải pháp nào khác (chấp xấu là tốt, chấp kém là hơn, như vậy, tất cả đều là điền đảo), đều là kiến thủ, chỉ vì nhẹ.

Hỏi: Vì sao kiến khác không lập sự điền đảo?

Đáp: Vì có ba việc, nên nói là điền đảo. Đó là sự quyết đoán, bịa đặt giả dối, hoàn toàn điền đảo. (Hoàn toàn điền đảo, nghĩa là trái với sự đứng đắn, đối dưới thành trên). Hết mực điền đảo, nghĩa là tà kiến và biên kiến kia thuộc về đoạn kiến. Dù là quyết đoán và hoàn toàn điền đảo, mà không phải là sự bịa đặt giả dối, vì sinh ra từ sự hư hoại. Giới thủ, dù quyết đoán và bịa đặt giả dối, nhưng không phải hoàn toàn điền đảo. Nghĩa là có ít sự thật, vì khởi từ chỗ thật. A-tỳ-đàm nói: Thân kiến, kiến thủ hoàn toàn điền đảo, vì chứa nhóm lâu sự điền đảo này, từ vô thủy. Dù phiền não đã dứt, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm còn đắm nhiễm cảnh giới.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến, vậy gồm những kiến nào?

Đáp: Gồm năm kiến.

Hỏi: Năm kiến là gì?

Đáp:

*Chê bai sự chân thật  
Kiến này là tà kiến  
Không thật mà giả đặt  
Là hai kiến cùng đặt.*

Chê bai sự chân thật, kiến này là tà kiến: Nghĩa là nếu thấy người chê bai sự chân thật, cho là không có (không có, nghĩa là chê bai sự bố thí, giữ giới v.v...) không có khổ, v.v... gọi là tà kiến.

Không thật mà bịa đặt, là hai kiến và trí, nghĩa là đối với ấm là không thật, bịa đặt để đối trá ngã và thuộc về ngã là thân kiến. Bịa đặt giả dối lạc và tịnh là kiến thủ, ở xứ sở không thật khác, mà bịa đặt giả dối những sĩ phu, v.v... tất cả như vậy, là tà trí, chẳng phải kiến.

*Chẳng phải nhân thấy nhân,  
Tức nói là giới thủ,*

*Nếu nhiếp thọ biên kiến  
Nương đoạn diệt cỡ thường.*

Chẳng phải nhân mà thấy nhân, tức nói là giới thủ: Nghĩa là đối với cái không có nhân mà thấy có nhân đây là giới thủ. Như vì trời Tự Tại mà tuyệt thực, v.v... để cầu sinh lên cõi trời! Nói về tánh có thể nhận biết và sĩ phu mà cho là tánh được giải thoát (tánh là thể tánh, là tánh có thể nhận biết thế gian biện sai khác với sĩ phu, được giải thoát). Nếu thâm nhiếp biên kiến, dựa vào sự đoạn diệt, có thường. Nếu giống nhau, nối tiếp nhau che giấu hành vô thường chấp là thường, đó là thường kiến. Không biết phần nhân quả tiếp nối nhau, chấp là đoạn, đó là đoạn kiến. Ngoài trừ năm kiến này, không còn kiến nào khác. Cho nên nói tất cả kiến thuộc về năm kiến.

Hỏi: Kiến này, vì sao gọi là đoạn?

Đáp:

*Chê bai và bịa đặt  
Nhân kiến và hai biên  
Ở đây các sự chuyển  
Hoặc thấy đạo là dứt.*

Chê bai là nói tà kiến, hoặc chê bai khổ, nên biết thấy khổ dứt, vì khởi ở khổ xứ. Kiến tập v.v... cũng như vậy. Như khi kiến diệt đạo đoạn, kiến thủ, giới thủ, ở xứ khác sinh ra, thấy xứ khác dứt. Vì nghĩa này, nên phiền não thường duyên cõi Dục, cũng nói như vậy.

Việc không thật mà bịa đặt giả dối, là nói hai kiến, thân kiến kia là xứ khổ nên thấy khổ thì dứt.

Kiến thủ, nghĩa là nếu đối với quả không thật mà đặt để sai thì thấy khổ dứt. Nếu ở nhân mà khởi thì thấy tập dứt. Nếu thấy diệt dứt mà khởi thì thấy diệt dứt. Những thấy đạo đã dứt mà khởi cũng như vậy. Chẳng phải tu đoán quyết đoạn.

Giới thủ, nghĩa là chẳng phải nhân chấp là nhân. Nếu khởi ở chỗ hữu lậu, thì thấy khổ dứt. Nếu khởi ở chỗ kiến đạo đã dứt, nghĩa là thấy đạo dứt. Đoạn, thường kiến, sinh khởi ở xứ kiến khổ thì thấy khổ dứt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn là thế nào?

Đáp:

*Bốn căn như mắt thấy  
Thân căn có ba thứ  
Ý căn và mạng căn  
Đây là căn sinh tử.*

Nói bốn căn như mắt, v.v...như trong phẩm Giới đã nói, thân căn

có ba thứ là thân căn, nam căn, nữ căn.

Ý là ý căn, trước đã nói. Vì ý giới tức ý căn và cùng với mạng nghĩa là tuổi thọ được gọi là mạng căn. Là căn sinh tử: Nghĩa là các căn sanh tử này, dựa vào đó mà lập căn.

Hỏi: Căn có nghĩa gì?

Đáp:

*Tăng thượng là nghĩa căn  
Năm căn, nói bốn thứ  
Biết bốn căn còn lại  
Đều có hai tăng thượng.*

Tăng thượng là nghĩa của căn: Nghĩa là nghĩa của sự tăng thượng kia là nghĩa căn, nghĩa đoan nghiêm là nghĩa của căn, nghĩa hơn là nghĩa của căn. Nghĩa trên là nghĩa của căn. Nghĩa chủ là nghĩa của căn. Dù tất cả pháp hữu vi đều có sự tăng thượng, nhưng hoặc kém, hoặc hơn, nên biết hơn thì lập căn, như nhân chủ, thiên chủ.

Hỏi: Nghĩa tăng thượng có mấy thứ?

Đáp: Bốn thứ tăng thượng như mắt, v.v... đó là năm căn như mắt v.v... có bốn thứ duyên tăng thượng, gọi đó là khiến thân đoan nghiêm, dẫn dắt, nuôi nấng thân mình, dựa vào thức sinh, sự bất cộng.

Nhãn căn kia làm cho thân đoan nghiêm, nghĩa là nếu căn không đủ thì người ta không thích nhìn, hay bị ghét bỏ, không được tăng thượng.

Dẫn dắt, nuôi nấng thân mình, nghĩa là nếu mắt thấy sự an ổn nguy khốn, thì sẽ từ bỏ việc nguy khốn, để đến với sự yên ổn, làm cho thân sống lâu.

Dựa vào sinh thức, nghĩa là dựa vào mắt phát sinh nhãn thức và pháp tương ứng. Sự không chung, là chỉ mắt thấy sắc, không phải căn khác, nhĩ căn làm cho thân được đoan nghiêm, nuôi nấng thân mình như trước đã nói. Dựa vào sinh thức, nghĩa là dựa vào tai sinh nhĩ thức và pháp tương ứng. Sự không chung, nghĩa là tai nghe tiếng, chẳng phải căn khác. Các căn khác khiến thân trang nghiêm, như trước đã nói. Dẫn dắt, nuôi dưỡng thân mình, đó là ba căn thông suốt việc ăn vóc khiến thân trụ lâu.

Nướng vào mà sinh thức, nghĩa là ba căn này, mỗi căn đều sinh phần thức của mình. Việc không chung nghĩa là mỗi căn đều hành mỗi cảnh giới, nên biết bốn căn còn lại, mỗi căn đều có hai việc tăng thượng. Nam căn, nữ căn có hai việc duyên tăng thượng cho nên vượt hơn. Đó là tướng riêng, bắt đầu sự khác nhau của chúng sinh. Khi một chúng sinh hai căn sinh ra rồi, thì chúng sinh đều có tướng khác nhau.



Lại nữa, về phiền não và thanh tịnh, thì hai căn này đầy đủ, có khả năng làm bất luật nghi, cho đến có thể gây ra năm nghiệp Vô gián, cắt đứt căn thiện. Sự thanh tịnh nghĩa là thọ luật nghi, đắc quả, lìa dục, gieo trồng hạt giống ba thừa. Nếu không có hình, hoặc hai hình, thì không thể khởi thiện ác như vậy.

Mạng căn, nghĩa là chủng loại được tiếp nối nhau và gìn giữ. Ý căn là nối tiếp đương lai, có sự tự tại thuận theo chuyển biến. Hữu tướng tục, nghĩa như đã nói hương ấm, có hai tâm lần lượt hiện ra trước mặt, hoặc yêu, hoặc giận, đều được tự tại, nghĩa như đã nói ở tâm lôi kéo thế gian, nói rộng như vậy.

*Thọ hoặc phần phiền não*

*Tín thấy nương thanh tịnh*

*Nếu chín căn vô lậu*

*Ba đây nương theo đạo.*

Thọ hoặc phần phiền não: Nghĩa là các thứ khổ, vui, mừng, lo, xả, thọ, thuận theo phần phiền não, làm duyên tăng thượng, đó là thọ huân các phiền não, vì thọ mê đắm lạc, nên phiền não cũng mê đắm lạc, lại nữa thọ là duyên tăng thượng cho phiền não và thanh tịnh. Ở phần phiền não, như đã nói: Lạc thọ là sử tham, khổ thọ là sử nhuế, xả thọ là sử si.

Ở phần thanh tịnh, như đã nói: Vui là nhân định của tâm mình. Tín có khổ, tập, dựa vào sáu pháp xuất ly. Tin xả, hành, v.v..., tín v.v... dựa vào phần thanh tịnh, nghĩa là thuận theo thanh tịnh, nên năm căn gồm tín v.v... tu phần thanh tịnh. Nếu chín căn vô lậu, thì ba căn này nương vào đạo. Nghĩa là năm căn như tín, v.v... và hỷ, lạc, xả, ý căn, chín căn này là hữu lậu, vô lậu. Nếu là vô lậu, vì nương nơi đạo mà lập ba căn. Nếu tùy tín hành, Tùy pháp hành thuộc về đạo, là vị tri căn. Nếu tín, giải thoát, kiến đáo đều thuộc về đạo, là dĩ tri căn. Nếu thuộc về đạo Vô học là vô tri căn.

Đã nói về các căn, về nhân duyên khác sẽ nói trong phẩm Trạch.

Hỏi: Các căn này thuộc về cõi nào?

Đáp:

*Cõi Dục bốn, thiện tám*

*Căn sắc chủng có bảy*

*Tâm pháp thì có mười*

*Nhất tâm, ba căn hai.*

Cõi Dục bốn: Nghĩa là nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn đều thuộc về cõi Dục. Ngoài ra, sắc căn và ý căn kia, như phẩm Giới có nói. Như

ý căn, tín, v.v... và xả căn cũng vậy. Lạc căn, hỷ căn nếu là hữu lậu thì thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, nếu là vô lậu thì không lệ thuộc, về mạng căn sẽ nói trong phẩm Tạp. Riêng ba căn vô lậu, vì không dứt, nên không lệ thuộc.

Hỏi: Có bao nhiêu điều thiện?

Đáp: thiện có tám, gồm năm căn như tín v.v... và ba căn vô lậu, vì thiện này là quả ái. Mạng căn và các thọ có quả báo sẽ nói, ngoài ra như phẩm Giới nói.

Sắc chủng căn có bảy, nghĩa là bảy căn như nhãn căn, v.v... là sắc, những thứ khác chẳng phải sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu tánh tâm? Bao nhiêu pháp của tánh tâm? Bao nhiêu chẳng phải tâm, chẳng phải tâm pháp?

Đáp: Tâm pháp có mười, là năm căn như tín, v.v... và năm thọ căn. Các căn này là tâm pháp vì tương ứng với tâm. Nhất tâm là ý căn, là tự tánh của tâm, vì được tướng của tâm.

Tám thứ như mạng căn, v.v... không phải tâm, không phải tâm pháp, vì không có duyên. Ba căn có hai, nghĩa là ba căn vô lậu, có hai thứ là tâm và tâm pháp, vì tánh thường nhóm họp.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo? Bao nhiêu căn không có báo?

Đáp:

*Đối với các căn này  
Một và mười có báo  
Trong mười hai là báo  
Mạng căn chỉ là báo.*

Trong các căn này, một và mười có báo, nghĩa là ưu căn đều có báo, vì là hữu lậu thiện, bất thiện, vì phương tiện hiện tại sinh, không phải báo sinh, không phải oai nghi, không phải sự khéo léo, không phải pháp học tập, cũng không phải vô lậu, vì từ phiền não sinh ra!

Ý căn, nếu thiện, bất thiện, hữu lậu là có báo, còn vô lậu, vô ký không có báo. Ba thọ cũng như vậy. Khổ căn thiện, bất thiện là có báo, vô ký không có báo. Năm căn như tín, v.v... nếu hữu lậu là có báo, nếu vô lậu là không có báo. Tám thứ như mạng căn, v.v... là không có báo, vì tánh vô ký. Ba vô lậu không có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo? Bao nhiêu căn chẳng phải báo?

Đáp: Trong mười hai căn là báo, nghĩa là bảy hữu sắc căn là báo, còn hữu chẳng phải báo, như phẩm Giới đã nói. Ý căn và bốn thọ, hoặc là báo, hoặc chẳng phải báo. Như quả của nghiệp thiện, bất thiện là báo, còn mạng căn chỉ là báo, nghĩa là mạng căn hoàn toàn là báo, hữu

dục là dục quả của chánh thọ.

Hỏi: Lúc mới sinh được bao nhiêu báo của căn?

Đáp:

*Hai hoặc sáu, bảy, tám  
Lúc mới sinh đã được  
Phải biết báo cõi Dục  
Sắc sáu, Vô Sắc một.*

Hai hoặc sáu, bảy, tám, lúc mới sinh đã được, nên biết đó là báo của cõi Dục. Nghĩa là các căn này dần dần sinh, là thai sinh, noãn sinh, thấp sinh. Sự sinh lần đầu đó, trong một sát-na, được hai căn, là thân căn và mạng căn. Ý căn của sát-na kia là cấu uế, chẳng phải không cấu uế, vì tâm tiếp nối thọ sinh, xả căn cũng như vậy. Những căn khác cũng được, nhưng không nói đến, vì chẳng có báo, cho nên nói.

Hóa sinh vô hình có sáu, đó là năm sắc căn và mạng căn, một hình có bảy, hai hình có tám, đó là hoàn toàn nói về cõi Dục.

Cõi Sắc có sáu, Vô Sắc có một căn, nghĩa là cõi Sắc được sáu căn, vì hoàn toàn là hóa sinh, không có nam căn, nữ căn như trước đã nói, cõi Vô Sắc thì chỉ có một mạng căn.

Hỏi: Lúc qua đời, có bao nhiêu căn sẽ được xả sau cùng?

Đáp:

*Bỏ bốn, tám và chín  
Hoặc loại bỏ ở mười  
Chết dần hay chết ngay  
Bỏ thiện, đều thêm năm.*

Bỏ bốn, tám và chín, hoặc lại bỏ ở mười, chết dần và chết ngay, nghĩa là tâm vô ký chết dần, xả bỏ bốn căn: Thân, ý, mạng và xả. Nếu không có hình, tâm vô ký chết cùng lúc, thì xả tám căn, là năm căn như mắt v.v... ý, mạng và xả căn. với tâm vô ký thì một hình, có chín căn, hai hình có mười căn. Tâm bất thiện cũng vậy.

Hỏi: Tâm thiện xả bao nhiêu căn?

Đáp: Tâm thiện xả đều có thêm năm căn. Nếu tâm thiện chết đi đều có thêm năm căn như tín, v.v... là nói người ở cõi Dục mất, lại sinh cõi Dục. Còn người mất ở cõi Dục sinh lên cõi trên, trừ người không có hình, hai hình, vì lìa dục đều cùng không có phần. Ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc qua đời, tùy theo căn đã được, nói như vậy là không có sự chết dần, đó là nói các căn hiện ở trước xả, chứ chẳng phải thành tựu xả. Vô ký không ẩn mất nói là được xả.

Thiện: Nghĩa là ở đây chết đi, thì sinh ở nơi này, nói là hành xa,

nếu sinh ở chỗ khác thì được xả.

Hỏi: Có bao nhiêu kiến đoạn, bao nhiêu tu đoạn, bao nhiêu không đoạn?

Đáp:

*Hai đoạn, không đoạn, bốn  
Sáu căn, có hai thứ  
Ba vô lậu không đoạn  
Còn lại, tu đạo đoạn.*

Hai đoạn, không đoạn bốn: Nghĩa là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn có ba thứ: Hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Tùy tín hành, Tùy pháp hành, đạo đoạn gọi là kiến đoạn. Tín, giải thoát và kiến đạo, đạo đoạn gọi là tu đoạn, Vô lậu gọi là không đoạn.

Sáu căn, có hai thứ: Là nói ưu căn do kiến đoạn và tu đoạn. Năm căn như tín, v.v... là tu đoạn và không đoạn, chẳng phải kiến đoạn, vì không nhiễm ô.

Ba vô lậu không dứt, vì hoàn toàn vô lậu. Các căn khác là tu đạo đạo, nghĩa là chín căn khác do tu đạo dứt. Tám thứ như mạng căn, v.v... là vô ký không ẩn mất, nên không phải kiến đoạn. Vì rơi vào sự sinh, nên chẳng phải không đoạn. Vì khổ căn tương ứng với năm thức thân, nên chẳng phải kiến đoạn, vì sinh từ phiền não, nên chẳng phải bất đoạn.

Hỏi: Nếu thành tựu căn thì thành tựu được bao nhiêu căn?

Đáp:

*Hoặc thành tựu ba, bốn  
Năm, bảy cùng với tám  
Mười một và mười ba  
Là nói thành tựu định.*

Nếu thành tựu ý căn, thì sẽ thành tựu ba căn: Là ý, mạng, xả. Các căn khác hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Các căn mắt, tai, mũi, lưỡi: Nếu sinh cõi Sắc, thì sẽ thành tựu, nếu sinh cõi Dục, được mà không mất thì thành tựu. Nếu sinh cõi Vô Sắc và cõi Dục, ở trong thai dần dần dày ra, các căn chưa đầy đủ, được mà mất là không thành tựu. Thân căn, nếu sinh ở cõi Dục, cõi Sắc, thì sẽ thành tựu, sinh cõi Vô Sắc sẽ không thành tựu. Lạc căn sinh ở cõi trời Biến Tịnh. Nếu từ dưới và là bậc Thánh sinh lên cõi trên, thì sẽ thành tựu. Phạm phu sinh lên cõi trên thì sẽ không thành tựu. Hỷ căn sinh lên cõi trời Quang Âm, tất nhiên là thành tựu. Các căn khác đều nói như lạc căn. Khổ căn sinh cõi Dục, thì sẽ thành tựu, sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Ưu căn chưa lia dục, thì sẽ thành tựu, đã lia dục thì không thành tựu, năm căn như tín, v.v... không dứt căn thiện, thì sẽ thành tựu, dứt thì không thành tựu. Ba căn vô lậu của bậc Thánh tùy địa, tất nhiên thành tựu, (đó là kiến địa, tu địa, vô học địa) Phạm phu thì không thành tựu. Như ý căn, mạng căn, xả căn cũng như vậy. Nếu thành tựu thân căn, thì sẽ thành tựu bốn căn là thân, ý, mạng, xả. Các căn khác, như trước đã nói.

Nếu thành tựu lạc căn, cũng thành tựu bốn căn, là mạng căn, ý căn, lạc căn, xả căn. Nếu thành tựu nhãn căn, thì sẽ thành tựu năm căn là thân căn, ý căn, mạng căn, xả căn và nhãn căn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng đều như vậy.

Nếu thành tựu hỷ căn, cũng thành tựu năm căn là hỷ, lạc, ý, mạng và xả. Nếu thành tựu khổ căn, thì sẽ thành tựu bảy căn là thân, ý, mạng căn và bốn thọ, trừ ưu căn. Nếu thành tựu nam căn, thì sẽ thành tựu tám căn, là bảy căn trước và một hình. Nữ căn cũng như vậy. Nếu thành tựu ưu căn cũng thành tựu tám căn là thân, ý, mạng và năm thọ.

Nếu thành tựu tín căn, cũng thành tựu tám căn, đó là năm căn như tín, v.v... và ý, mạng, xả. Các căn tinh tiến, niệm, định, tuệ cũng đều như vậy. Nếu thành tựu dĩ tri căn thì sẽ thành tựu mười một căn là ý, mạng, hỷ, lạc, xả; năm căn như tín, v.v... và dĩ tri căn. Vô tri căn cũng như vậy. Nếu thành tựu vị tri căn, thì sẽ thành tựu mười ba căn là thân, ý, mạng, khổ, vui, hỷ, xả, năm căn như tín, v.v... và vị tri căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn thì được quả Sa-môn?

Đáp:

*Chín căn được Sơ quả  
Hoặc được quả thứ hai  
Là do mười một căn  
Rất ráo quả thứ tư.*

Chín căn được Sơ quả: Nghĩa là chín căn thì được quả Tu-đà-hoàn, đó là ý căn, xả căn, năm căn như tín v.v..., vị tri căn và dĩ tri căn. Vị tri căn thuộc đạo vô ngại, dĩ tri căn thuộc đạo giải thoát, đều có bảy căn. Hoặc được hai quả Sa-môn, nghĩa là nếu dứt hết gấp bội dục vọng, thì sẽ được quả Tư-đà-hàm. Chín căn như trước đã nói. Nếu ái dục dứt hết sẽ được quả A-na-hàm, cũng chín căn, tám căn như trước đã nói. Ba thọ thì nói theo tác dụng. Nếu theo thứ lớp thì được quả Tư-đà-hàm, đạo thế tục có bảy, là ý căn, xả căn và năm căn như tín, v.v... Đạo vô lậu có tám căn là bảy căn trước và dĩ tri căn. Theo thứ lớp, được quả A-na-hàm cũng như vậy. Đó là do mười một căn rất ráo được quả thứ tư, nghĩa là

mười một căn thì được quả A-la-hán, là ý căn và ba thọ, năm căn như tín, v.v... dĩ tri căn, vô tri căn. Dĩ tri căn là đạo vô ngại. vô tri căn là đạo giải thoát.

Hỏi: Các đạo này thế nào là phần định hay dụng định? Nếu là phần định, thì quả A-na-hàm cũng có ba thọ. Nếu là dụng định, thì sẽ không có ba tác dụng này, còn không có được hai thọ hoạt động trong cùng một lúc, làm gì có ba?

Đáp: Dụng định là ở thân, chẳng phải ở sát-na, đó là do lạc căn mà được quả A-la-hán. Sau khi thối định rồi, lại được từ hỷ căn. Nếu còn thối định nữa, lại được từ xả căn, mà quả A-na-hàm được là do thọ này. Nếu định mà thối trở lại được là từ thọ này, không phải pháp khác.

Hỏi: Tu-đa-la của Thế Tôn nói sáu thức thân. Những gì là cảnh giới thức của các thức này?

Đáp:

*Nếu lấy nghĩa các tướng  
Cảnh giới năm thứ tâm  
Nếu nhận lấy các pháp  
Đây là nói ý thức.*

Nếu nhận lấy nghĩa của các tướng, cảnh giới của năm thứ tâm, thì năm cảnh giới như sắc, v.v... là đối tượng nhận lấy của năm thức. Nhận thức nhận lấy sắc, cho đến thân thức nhận lấy xúc, vì tự tướng của thọ và vì cảnh giới hiện tại. Nếu thọ nhận tất cả pháp, thì đây là nói ý thức, nghĩa là ý thức duyên tất cả pháp, vì cảnh giới của cộng tướng, vì tư duy, vì thường nhớ nghĩ. Về nghĩa này, nói rộng như trong phẩm Giới, đã nói về cảnh giới của thức, nay sẽ nói: Về cảnh giới của trí.

*Các ám cõi Dục, sắc  
Vô Sắc và vô lậu  
Hữu y, vô y, tám  
Và hai vô vi kia.*

Có mười pháp tương ứng, bất tương ứng của cõi Dục. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Tương ứng, không tương ứng của hữu vi vô lậu có hai thứ: Vô vi thiện và vô ký.

Hỏi: Mười sở tri của pháp trí này, mỗi trí có bao nhiêu pháp làm cảnh giới?

Đáp:

*Năm pháp, cần phải biết  
Cảnh giới của pháp trí  
Tỷ trí bảy làm duyên*

*Cảnh giới tha tâm ba.*

Năm pháp cần phải biết, cảnh giới của pháp trí, đó là pháp tương ứng không tương ứng của cõi Dục và vô vi thiện tương ứng, không tương ứng với vô lậu. Tỷ trí này có bảy làm duyên: Nghĩa là cõi Sắc, cõi Vô Sắc tương ứng vô vi thiện, không tương ứng với vô lậu. Cảnh giới của tha tâm có ba, đó là cõi Dục, cõi Sắc và cảnh giới tâm, tâm pháp tương ứng với vô lậu.

*Hữu lậu nên biết mười**Trí nhân, quả có sáu**giải thoát một, đạo hai**Hai cảnh giới khác chín.*

Hữu lậu nên biết có mười: Nghĩa là hạnh của đẳng trí tất cả có mười pháp, vì cảnh giới rộng, trí nhân quả có sáu, nghĩa là khổ, trí tập trí biết sáu pháp, đó là cảnh giới hữu lậu tương ứng, không tương ứng của ba cõi, vì pháp trí, tỷ trí.

Giải thoát một: Nghĩa là trí diệt, duyên một pháp. Đó là cảnh giới thường diệt của vô vi thiện. Đạo có hai, nghĩa là đạo trí duyên hai pháp. Đó là cảnh giới học, vô học tương ứng, không tương ứng của hữu vi vô lậu. Hai cảnh giới còn lại thì chín, nghĩa là tận trí, trí vô sinh duyên chín pháp, trừ vô ký, vì vô vi là cảnh giới của bốn đế.

Hỏi: Các Sử có những sai khiến gì?

Đáp:

*Các phiền não địa mình**Định sử ở địa mình**Tự chủng nhất thiết biến**Tùy sử ở chủng kia.*

Phiền não ở địa mình, định sử ở địa mình, nghĩa là phiền não cõi Dục kia, tức là sai khiến các pháp cõi Dục, cho đến đệ nhất hữu, cũng như vậy. Vì thù thắng, vì đối trị nên địa dưới không sai khiến địa trên. Vì thân hành lìa dục, nên phiền não ở địa trên không sai khiến địa dưới.

Tự chủng nhất thiết biến, tùy sự sai khiến ở chủng kia, nghĩa là các pháp tự chủng, bị sử tự chủng sai khiến. Nhất thiết biến, cũng sai khiến chủng khác, vì có năm thứ cảnh giới.

*Nếu định pháp ba cõi**Bị Sử ba cõi khiến**Sinh hai cõi, nên biết**Một cõi cũng như thế.*

Nếu là pháp ba cõi, bị sử ba cõi sai khiến, nghĩa là năm thứ pháp

thuộc về ba cõi bị tất cả sử của ba cõi sai khiến. Như thế, tất cả pháp, đều tùy theo sự thích ứng mà nói.

Sinh hai cõi phải biết: Nghĩa là pháp thuộc về hai cõi, phiền não của hai cõi, bị sai khiến tùy theo sự thích ứng kia. Đó là giác quán năm thứ của cõi Dục cõi Sắc kia. Cõi Dục, cõi Sắc kia, bị tất cả sử sai khiến, đó gọi là ý căn, năm thứ của ba cõi. Ba cõi kia bị hết thấy sử sai khiến. Cũng vậy, tất cả pháp đều tùy theo sự thích ứng. Một cõi cũng giống như vậy, Nếu nhất định là pháp một cõi, thì bị sử của một cõi đó sai khiến, đó là ưu căn. Năm thứ của cõi Dục, bị tất cả sử của cõi Dục đó sai khiến. Như vậy, tất cả pháp đều tùy theo sự thích ứng.

*Kinh này do Phật nói Tánh nó đã rõ  
ràng Thức, trí và các sử Nên biết là ba  
môn.*

Kinh này do Phật nói, ta đã phân biệt đầy đủ, nên dùng ba môn để hiểu. Đó là môn thức, môn trí và môn sử. Như đưa ra tánh năm ấm của cõi Dục, do tu đạo dứt, bẫy trí biết kia, ngoại trừ tử trí, diệt trí, đạo trí, vì cõi Dục nên trừ tử trí, vì hữu lậu nên trừ diệt trí, đạo trí.

Ba thức biết: Đó là nhãn thức, nhĩ thức và ý thức. Vì thuộc về bốn nhập, Cõi Dục bị sử nhất thiết biến và tu đạo dứt sai khiến. Giới nghĩa là tám trí tri, trừ trí tha tâm, diệt trí. Ba trí biết đó là nhãn thức, nhĩ thức, ý thức. Cõi Dục, cõi Sắc, bị sử của nhất thiết biến và tu đạo dứt sai khiến.

Tu: Là tánh không buông lung, chín trí biết, trừ diệt trí. Ý thức biết ba cõi, bị sử của nhất thiết biến và tu đạo dứt sai khiến. Tất cả Tu-đà-la đều nói như vậy. Tùy theo sự thích ứng. Nếu nói chung về nghĩa, muốn biết về sự gồm nhiếp, phải xét về giới mà kiến lập. Muốn biết môn trí phải xét về đế mà kiến lập. Muốn biết về môn thức, phải xét về nhập mà kiến lập. Và muốn biết về môn sử, phải xét về chủng mà kiến lập. Nói như vậy thì thật dễ hiểu.

\*\*\*\*\*